



**BÁO CÁO** | **2012**  
**THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4**



Tên công ty : **Công ty cổ phần Lilama 45.4**

Tên giao dịch : **Lilama 45.4 Joint Stock Company**

Tên viết tắt : **LILAMA 45.4 JSC**

Vốn điều lệ : 40.000.000.000 VND  
( Bốn mươi tỷ đồng Việt Nam )

Trụ sở chính : Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa,  
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (84-613) 838188

Fax : (84-613) 838008

Email : [Lilama454@lilama454.com.vn](mailto:Lilama454@lilama454.com.vn)

Website : [www.lilama454.com.vn](http://www.lilama454.com.vn)

Giấy chứng nhận ĐKKD : 3600255703 thay đổi lần thứ 3  
ngày 15/9/2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư  
tỉnh Đồng Nai cấp

Mã CK : **L44**

# NỘI DUNG

## Thông điệp từ Chủ Tịch HĐQT

### 1. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- » Lĩnh vực hoạt động
- » Lịch sử hình thành và phát triển
- » Những giải thưởng tiêu biểu
- » Sơ đồ tổ chức
- » Mục tiêu và định hướng tương lai
- » Rủi ro

### 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- » Tổ chức và nhân sự
- » Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Tình hình tài chính
- » Thông tin cổ phần, cổ đông

### 3. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- » Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- » Tình hình tài chính
- » Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- » Kế hoạch phát triển tương lai

### 4. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- » Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- » Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

### 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012



## Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị

### KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG và TOÀN THỂ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Năm 2012 là năm đầy khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Đã 4 năm trôi qua kể từ khi cuộc khủng hoảng tài chính nổ ra ở Mỹ cuối 2008, nền kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc. Kinh tế Mỹ phục hồi chậm chạp, số lượng người thất nghiệp cao, trong khi bóng ma nợ công vẫn đang tiếp tục đẩy các quốc gia khu vực đồng Euro lún sâu vào khủng hoảng và suy thoái.

Là một phần của nền kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam cũng bị tác động mạnh. Năm 2012, GDP tăng trưởng ở mức 5,03 % thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. Bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài từ nhiều năm như: thâm hụt ngân sách tăng cao, thâm hụt cán cân thương mại lớn, lạm phát tăng cao, đầu tư kém hiệu quả... chưa có dấu hiệu kết thúc. Đặc biệt, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, khả năng tiếp cận nguồn vốn khó khăn, tiêu dùng giảm, bất động sản đóng băng... ảnh hưởng rất xấu đến doanh nghiệp Việt Nam. Theo thống kê có khoảng 55.000 doanh nghiệp đã giải thể, ngừng hoạt động, khiến cả triệu người lao động rơi vào cảnh thất nghiệp. Phòng Thương mại và Công nghiệp (VCCI) nhận định đây là một trong những giai đoạn đen tối nhất của các doanh nghiệp Việt Nam.

Trong bối cảnh phức tạp của nền kinh tế, lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Lilama 45.4 đã không ngừng nỗ lực để đạt những mục tiêu đề ra.

Cùng với động lực lớn lao từ sự gắn bó, am hiểu của các cổ đông về hoạt động công ty trong những năm qua, tôi tin chắc rằng Lilama 45.4 sẽ nhanh chóng vượt qua những khó khăn này.

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát của Lilama 45.4, tôi xin trân trọng cảm ơn những đóng góp của Quý cổ đông, và toàn thể cán bộ công nhân viên. Chúc toàn thể Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng.

**Chủ tịch HĐQT**

**HOÀNG VĂN DƯ**



# GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ❖ Lĩnh vực hoạt động
- ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
- ❖ Những giải thưởng tiêu biểu
- ❖ Sơ đồ tổ chức
- ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
- ❖ Rủi ro



## Lĩnh vực hoạt động

- Khảo sát, tư vấn xây dựng và công trình dân dụng, công nghiệp (trừ tư vấn thiết kế xây dựng)
- Tư vấn, thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: Vật liệu xây dựng, giấy, chế biến lương thực và thực phẩm.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà.
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyền công nghệ.
- Mua bán, lắp đặt bảo trì thang máy.
- Chế tạo, lắp đặt đường ống hạ áp, trung áp, cao áp (dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí)
- Xây dựng, lắp đặt công trình công nghiệp, dây chuyền công nghệ máy móc, đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế.
- Sản xuất, mua bán hàng kim khí, sắt thép, vật liệu điện, máy móc thiết bị, phụ tùng cơ khí.
- Mua bán phế liệu (trừ các chất thải nguy hiểm quy định tại số 23/2006/QĐBTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài Nguyên Môi Trường).
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.



Trụ sở chính của Công ty nằm tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Địa bàn kinh doanh: Do đặc thù của công ty là kinh doanh xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng, nên công ty có địa bàn hoạt động thay đổi tùy theo từng dự án cả trong nước và ngoài nước. Nhưng địa bàn kinh doanh chính của Công ty là trong lãnh thổ nước Việt Nam.

“

Thành lập từ năm 1979, Công ty Cổ phần Lilama 45.4 là một doanh nghiệp hạng I thuộc Tổng Công ty lắp máy Việt Nam (LILAMA) chuyên nhận thầu xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài nước. 34 năm hoạt động và phát triển, Công ty đã tham gia lắp đặt vô số công trình lớn nhỏ trên khắp mọi miền đất nước, đã đưa vào sử dụng đạt chất lượng cao. Với bề dày kinh nghiệm, uy tín về chất lượng, về tiến độ thi công và các dịch vụ bảo hành, bảo trì chu đáo, Công ty Cổ phần Lilama 45.4 luôn là thương hiệu bảo chứng cho thành công của các công trình, và được tin nhiệm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

”

2006

### Cô phần hóa

Dấu mốc quan trọng trong sự hình thành nên Công ty Lilama 45.4 ngày nay. Việc chuyển đổi được thực hiện theo quyết định số 794/ QĐ – BXD với vốn điều lệ ban đầu là 11.200.000.000 đồng.

2007

### Tăng vốn điều lệ

Công ty lần đầu tiên tăng vốn điều lệ, cũng là một cột mốc quan trọng trong quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp, tái cơ cấu cổ đông, bổ sung cổ đông chiến lược để giúp công ty phát triển bền vững hơn. Vốn điều lệ sau khi tăng là 40.000.000.000 đồng (theo NQ ĐHCĐ ngày 17/05/2007).

2008

### Chứng nhận thương hiệu

Công ty được Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận cúp vàng ISO 2007; được chứng nhận ISO 9001. Các chứng chỉ chất lượng này thể hiện sự lớn mạnh và trên hết là tính chuyên nghiệp ngày càng tăng của thương hiệu Lilama 45.4.

2009

### Niên yết chính thức

Cổ phiếu của Lilama 45.4 được chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán HOSE với mã L44. Là một bước tiến mới trong việc đại chúng và quảng bá hơn nữa thương hiệu Lilama 45.4.

- Mã CK: L44
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 VNĐ
- Khối lượng niêm yết: 4.000.000 cổ phiếu.

2011

### Dự án 3 triệu USD

Tháng 8/ 2011 ký kết hợp đồng với công ty PTSC – Công ty cổ phần dịch vụ Cơ khí Hàng hải để triển khai dự án Biển đông trị giá 3 triệu USD.

Ký kết thành công dự án điện gió Bạc Liêu trị giá 40 tỷ đồng với Công ty TNHH xây dựng Thương mại dịch vụ du lịch Công Lý.

2012

### Giải thưởng vàng

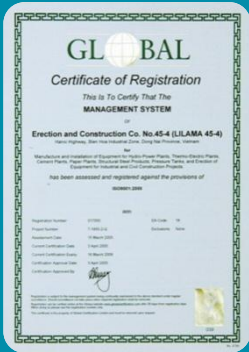
Góp công lớn giúp Tổng công ty lắp máy Việt Nam đạt giải thưởng vàng duy nhất của Asian Power Awards 2012 về lĩnh vực “Dự án nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất” cho dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2, công suất 750 MW, trị giá 700 triệu USD.



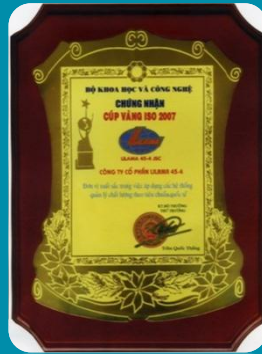
21.12.2009  
Lễ niêm yết  
cổ phiếu  
L44



# Những giải thưởng tiêu biểu

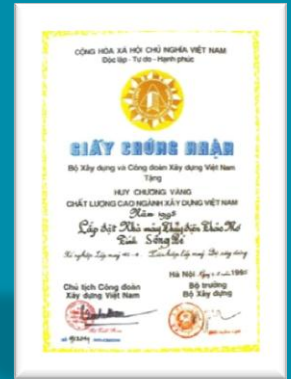


Chứng nhận ISO 9001:2000



Cúp Vàng ISO 2007

7 x



Giấy khen Huy chương vàng Chất lượng cao ngành xây dựng VN



Huân chương Độc lập hạng 3



8 x Huân chương Lao động Nhất-Nhì-Ba (cho cá nhân và tập thể)



Anh hùng lao động

Đặc biệt, trong năm 2012, dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2 công suất 750 MW, trị giá 700 triệu USD, mà Công ty Lilama 45.4 cùng với các công ty Lilama khác làm tổng thầu EPC, đã được trao tặng giải thưởng vàng duy nhất (hạng mục dự án nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất) từ Asian Power Awards 2012.

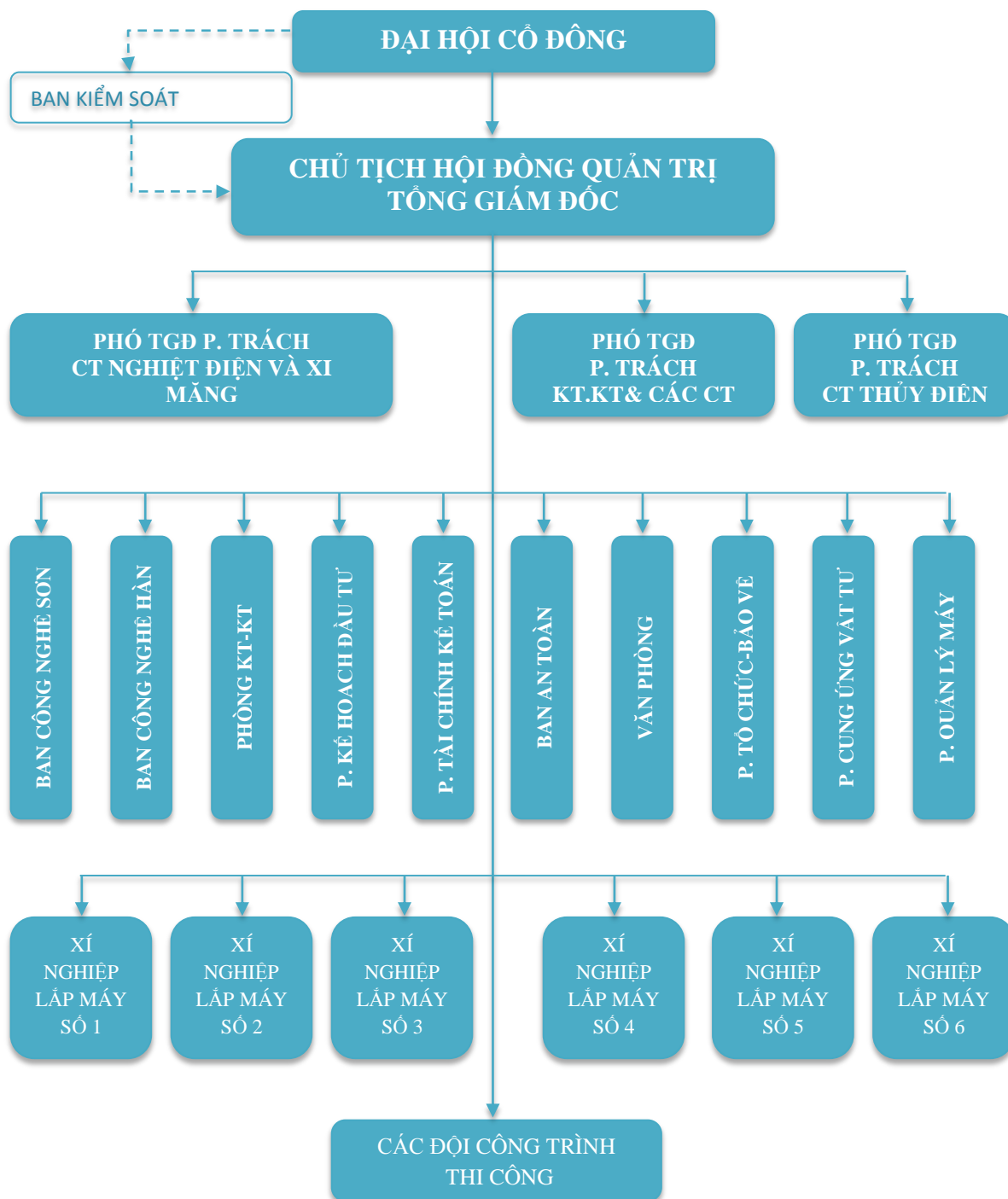


# Sơ đồ tổ chức

## Mô hình quản trị:

Công ty mẹ-Tổng Công ty lắp máy Việt Nam: nắm giữ 2.067.346 cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu 51,68%.

## Bộ máy quản lý:



Các công ty con, công ty liên kết: Không có

# Định hướng phát triển

## Mục tiêu phát triển

Sau 1 năm hoạt động, Công ty thấy rằng các định hướng đề ra trong năm 2011 là đúng đắn nên Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi những mục tiêu phát triển đó, cụ thể:

1

- Trở thành công ty uy tín, chất lượng đối với các đối tác trong và ngoài nước, nhanh chóng rút ngắn khoảng cách với các công ty lớn trong cùng ngành.

2

- Duy trì sự lành mạnh, ổn định trong tình hình tài chính.

3

- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho CBCNV, đảm bảo các quyền lợi khác cho người lao động.

4

- Minh bạch, công khai trong việc công bố thông tin đến với cổ đông, tạo niềm tin vững chắc đối với nhà đầu tư.



**Chiến lược phát triển trung và dài hạn****Chiến lược phát triển SXKD**

- Giá trị sản xuất tăng 10% đến năm 2015 đạt 708 tỷ.
- Doanh thu tăng 10% đến năm 2015 đạt 460 tỷ.
- Lợi nhuận tăng 10% đến năm 2015 đạt 17 tỷ.

**Chiến lược phát triển sản phẩm:****Nhóm sản phẩm chế tạo cơ khí**

- Sản phẩm cơ khí thủy công của nhà máy thủy điện và đập thủy lợi.
- Sản phẩm thiết bị cơ khí & kết cấu thép cho các Nhà máy xi măng.
- Sản phẩm thiết bị cơ khí & kết cấu thép cho các Nhà máy Khí điện, nhiệt điện.
- Sản phẩm thiết bị cơ khí & kết cấu thép cho các dự án điện gió.
- Sản phẩm chế tạo cơ khí chân đế giàn khoan.
- Các sản phẩm chế tạo về cơ khí khác.

**Nhóm sản phẩm lắp đặt thiết bị và kết cấu thép**

- Lắp đặt thiết bị và kết cấu thép cho các nhà máy thủy điện.
- Lắp đặt thiết bị và kết cấu thép cho các nhà máy nhiệt điện.
- Lắp đặt thiết bị và kết cấu thép cho các nhà máy khí điện.
- Lắp đặt thiết bị và kết cấu thép cho các nhà máy xi măng.
- Lắp đặt thiết bị và kết cấu thép cho các nhà máy giấy, hoá chất, thực phẩm.
- Lắp đặt thiết bị và kết cấu thép cho các công trình công nghiệp dân dụng khác.





## Chiến lược phát triển trung và dài hạn (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư tăng năng lực SX phục vụ SXKD

- Đầu tư nâng cao công suất Nhà máy chế tạo cơ khí lên 10.000 tấn/năm.
- Tăng số lượng máy hàn tự động lên 12 máy.
- Tăng số đầu xe cẩu từ 10 lên 20 chiếc đáp ứng yêu cầu thi công.
- Mua máy lốc tôn, lốc được tôn dày 130 mm.
- Mua các loại tài sản chuyên dùng phục vụ cho chế tạo và lắp đặt thiết bị tại các công trình.

Làm tổng thầu EPC

- Đào tạo, tuyển dụng kỹ sư, công nhân có đủ trình độ chuyên môn. Tích lũy thêm vốn, đầu tư năng lực thi công đủ mạnh để quản lý và thi công các dự án.
- Làm tổng thầu cung cấp thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị cho các công trình cơ khí thủy công của các nhà máy thủy điện.
- Công ty đã làm tổng thầu EPC cho các gói thầu cơ khí thủy công của các nhà máy thủy điện tầm cỡ từ nhỏ nhất đến lớn nhất.



**Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Với kim chỉ nam - tăng trưởng phải đi đôi với phát triển bền vững, bên cạnh các mục tiêu về kinh tế Công ty luôn chú trọng đến các vấn đề môi trường, xã hội và trách nhiệm với cộng đồng.

**Đối với môi trường:**

Trong quá trình thi công, Công ty luôn chú trọng giảm thiểu tối đa các tác nhân gây ô nhiễm phát sinh từ những hoạt động trên công trường gây hại cho sức khỏe con người. Ngoài ra, Công ty cũng chủ trương sử dụng tiết kiệm năng lượng để bảo vệ môi trường.

**Đối với xã hội, cộng đồng:**

Với sự tăng trưởng trong nhiều năm qua, Công ty đã tạo rất nhiều công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho đội ngũ cán bộ công nhân viên (năm 2012: là 640 người). Và tương lai, Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi mục tiêu tạo này, chung tay cùng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước, cải thiện đời sống của người dân lao động.

Về phía cộng đồng, ban lãnh đạo luôn tâm niệm: “Uống nước nhớ nguồn, Lá lành đùm lá rách.” Công ty đã xây dựng và quyên góp Quỹ Tình thương thường niên để thực hiện nhiều hoạt động có ý nghĩa như: ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn,...



Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa hơn nữa để đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

# Rủi ro

Là một doanh nghiệp có doanh thu chủ yếu từ xây lắp và sản xuất công nghiệp, Công ty cổ phần Lilama 45.4 có thể bị ảnh hưởng của các rủi ro sau đây:

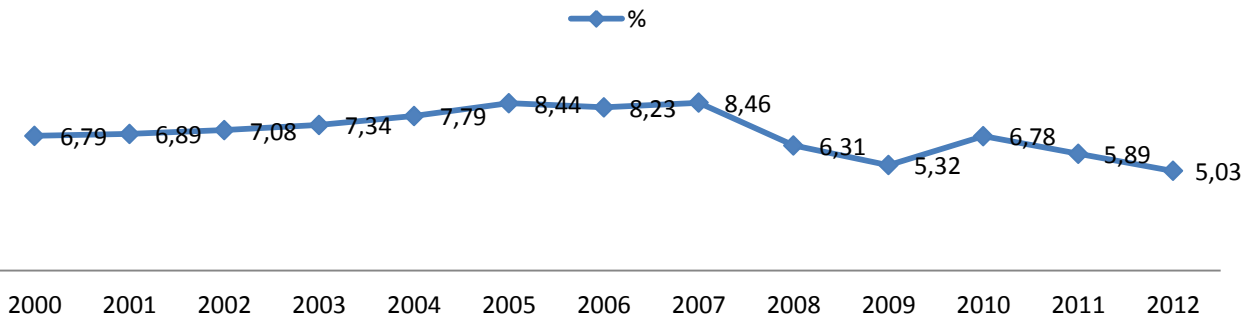
## Rủi ro về kinh tế:

Năm 2012, GDP tăng trưởng ở mức thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. Tình hình lạm phát tăng cao trong thời gian qua dẫn đến các nguyên vật liệu đầu vào đều tăng giá. Cùng với việc thắt chặt tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát: thắt chặt tín dụng đối với lĩnh vực phi sản xuất, lãi suất cho vay tăng cao,... đã ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty. Để giảm thiểu tác động của ảnh hưởng trên, Công ty chú trọng củng cố nội lực tài chính, thiết lập mạng lưới nhà “Nhà cung cấp thân thiết” để ổn định giá nguyên vật liệu.

## Rủi ro tài chính:

Đặc thù của ngành xây lắp là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần, thời gian quyết toán thu hồi vốn diễn ra chậm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế tác động này, vấn đề thu hồi công nợ, công tác lập hồ sơ quyết toán công trình luôn được quan tâm đề cập trong các buổi họp giao ban hàng tuần của công ty để các bộ phận/cá nhân liên quan kết hợp đốc thúc khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc tìm giải pháp giải quyết kịp thời. Ngoài ra, Công ty cũng theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ lượng vốn cam kết góp của các chủ sở hữu nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

## Tăng trưởng kinh tế Việt Nam



### Rủi ro về thị trường:

Việc mở cửa thị trường sẽ tạo áp lực cạnh tranh rất cao cho các doanh nghiệp trong nước, riêng Lilama 45.4 ngoài việc đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt với các doanh nghiệp trong nước, Công ty còn phải chịu sự cạnh tranh từ các Nhà thầu nước ngoài với năng lực tài chính mạnh và kỹ thuật cao. Để tránh rủi ro về thị trường, Lilama 45.4 luôn giữ uy tín với khách hàng, các yếu tố chất lượng, tiến độ và an toàn lao động được Công ty đặt lên hàng đầu. Trang thiết bị thi công cũng được xem xét đầu tư đúng tiêu chuẩn, đảm bảo đủ điều kiện thi công các công trình có quy mô lớn.

### Rủi ro khác:

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty như: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn....

Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Do đó, Công ty luôn ý thức nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... cũng như lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu.

### Rủi ro về pháp lý và hợp đồng:

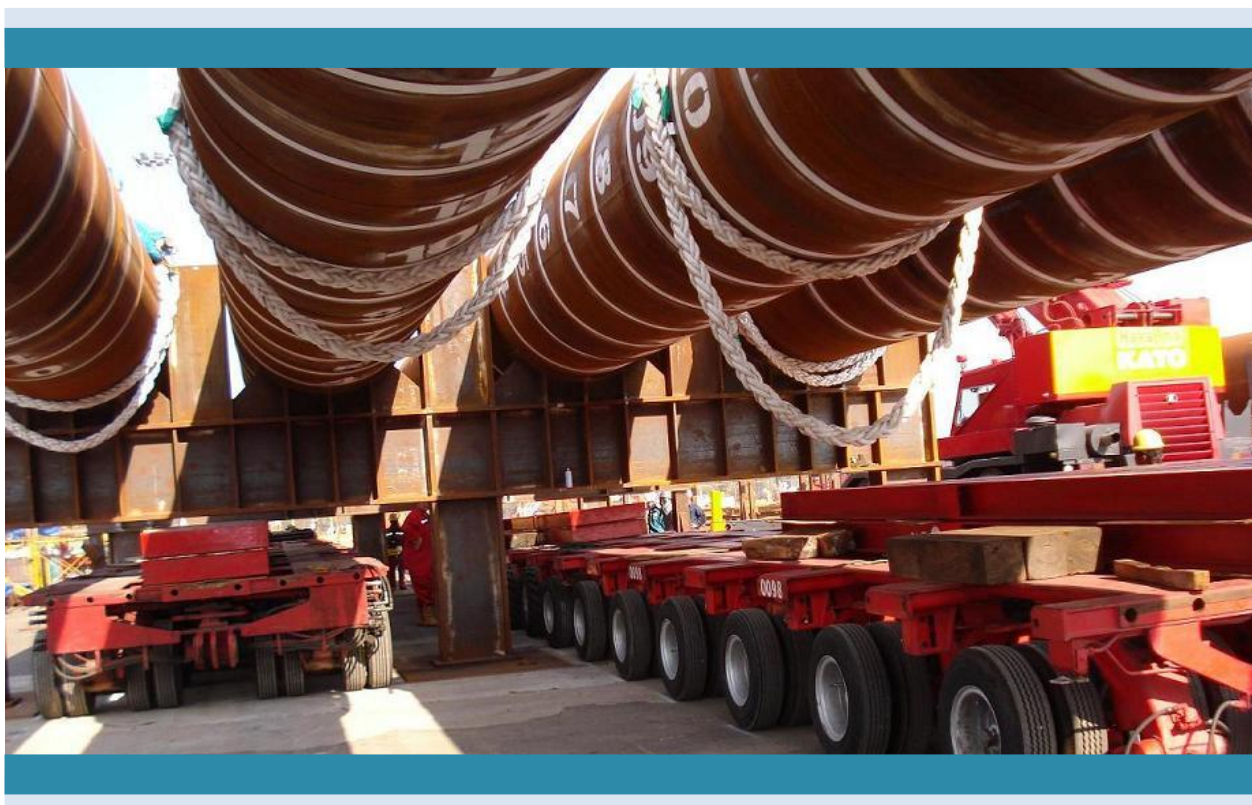
Công ty hoạt động dựa trên sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành. Những thay đổi về môi trường pháp lý trong lĩnh vực thuế, xây dựng, đất đai, đầu tư,.. và các thay đổi về chính sách của các cơ quan ban ngành đều có ảnh hưởng đến hoạt động Công ty. Nên bất kì việc thay đổi nào cũng luôn được cập nhật và phổ biến kịp thời đến từng bộ phận trong công ty. Đối với hợp đồng thi công: Xây lắp, sản xuất công nghiệp là một lĩnh vực phức tạp, chi phí cao và nhiều rủi ro hình thành do những yêu cầu pháp lý, các vấn đề liên quan đến tài sản, cấp phép, khả năng thực hiện dự án, tuyển dụng lao động và tính an toàn trong thi công... nên hợp đồng cần phải được quản lý chặt chẽ. Ngoài ra với sự biến động giá nguyên nhiên vật liệu hết sức khó lường như trong giai đoạn hiện nay cũng là một rủi ro lớn đối với nhà thầu và chính chủ đầu tư do vậy việc kiểm soát hợp đồng được Công ty kiểm soát chặt chẽ trước khi phê duyệt.





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tổ chức và nhân sự
- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Thông tin cổ phần, cổ đông



### 1. Ông HOÀNG VĂN DƯ – Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/01/1957
- Nguyên quán : Tiên Lữ - Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : P. Định Công – Q. Hoàng Mai- TP. Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : (84-61)3. 837 500
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế, cơ khí
- Quá trình công tác:
  - 1980-1984 : Xí nghiệp liên hợp lắp máy 69.
  - 1984-1985 : Trường trung học XD số 1 Bộ Xây Dựng.
  - 1985-2007 : Giám đốc XN10-4, Phó TGD Lilama 10, Giám đốc dự án Na Dương, Uông Bí, Nhơn Trạch, Vũng Áng, Dung Quất.
  - 12/2007 đến nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Lilama 45.4 Biên Hòa Đồng Nai.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Tổng Giám đốc- kiêm Chủ tịch HĐQT.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có.
- Tỷ lệ sở hữu : 3,325% tương ứng với 133.000 cổ phần

## 2. Ông TẠ VĂN HÙNG – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 18 /03/1963
- Nguyên quán : Xã Khánh Thượng, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : Khu phố 2, P. Xuân Thanh, Long Khánh, Đồng Nai
- Số điện thoại liên lạc : 01694715500
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:
  - 1998-2000 : Giám đốc XN1 thi công công trình thủy điện Sông Hinh.
  - 2001-2002 : Giám đốc XN1 thi công công trình thủy điện Hàm Thuận.
  - 2001-2003 : Đội trưởng đội thi công công trình nhà máy giấy Bình An.
  - 2004-2007 : Đội trưởng đội thi công công trình cải tạo nâng cấp nhà máy thủy điện Đa Nhim.
  - 2008-2011 : Giám đốc XN lắp máy số 2 thi công công trình thủy điện An Khê – Kanak.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có.
- Tỷ lệ sở hữu : 0,5% tương ứng với 20.000 cổ phần



### 3. Ông HOÀNG VĂN HÀ – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 17/09/1972
- Nguyên quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Tổ 12 KP5- Biên Hòa – Đồng Nai
- Số điện thoại liên lạc : (84 -61) 3. 866 2782
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- Quá trình công tác:
  - 1999-2002 : Trưởng chỉ huy của Lilama 45.4 tại NM nhiệt điện Phú Mỹ I.
  - 2002-2005 : Giám đốc nhà máy chế tạo cơ khí Lilama 45.4.
  - 2005-2008 : Giám đốc XN lắp máy số I Công ty Lilama 45.4 tại dự án thủy điện sông Ba Hạ.
  - 2008-nay : Phó tổng giám đốc công ty Lilama 45.4 kiêm Giám đốc XN lắp máy số I Công ty Lilama 45.4 tại dự án thủy điện sông Ba Hạ.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc  
-Kiêm Thành viên HĐQT.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có.
- Tỷ lệ sở hữu : 0,923% tương ứng với 36.912 cổ phần.
- Số cổ phần của người có liên quan : Anh ruột - Ông Hoàng Văn Hải sở hữu 3.720 cổ phần



#### 4. Ông ĐẶNG VĂN PHÚC – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/08/1954
- Nguyên quán : Đông Hưng –Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : P. Trung Liệt – Q. Đống Đa –Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : (84 -61)3. 837 246
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 1974-1985 : Công tác tại Hà Bắc, Quảng Ninh, Hải Hưng, Quân chủng phòng không – không quân.
  - 1986-2002 : Công tác tại Hải Hưng, đi học, làm kế toán tại Công ty lắp máy và xây dựng 69-1.
  - 2003-2005 : Trưởng phòng Kế toán –Tài chính Công ty.
  - 2005-nay : Kế toán trưởng Công ty CP Lilama 45.4.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng  
-Kiêm Thành viên HĐQT.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có.
- Tỷ lệ sở hữu : 0,8% tương ứng với 32.000 cổ phần.
- Số cổ phần của người có liên quan : Vợ - Bà Hà Thị Thơm -19.836 cổ phần



### Những thay đổi trong Ban điều hành

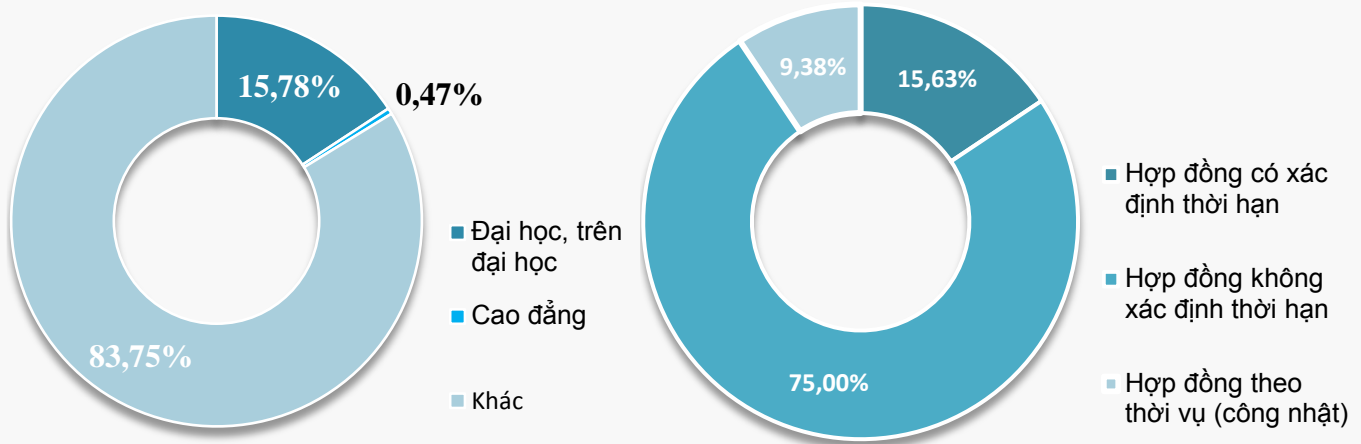
STT	Thành viên BDH	Chức vụ	Số CMND	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Lý do
1	<b>Phạm Đình San</b>	P. Tổng giám đốc -Thành viên HĐQT	141649784		16/04/2012	Chuyển công tác
2	<b>Hoàng Văn Hà</b>	P. Tổng giám đốc	272338274	16/04/2012		Bầu bổ sung thành viên HĐQT



## Số lượng cán bộ, công nhân viên

Bên cạnh yếu tố vốn, và công nghệ, nhân lực là yếu tố mấu chốt quyết định nên thành công trong hoạt động kinh doanh. Đặc biệt trước nguy cơ tụt hậu về khả năng cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập như hiện nay, thì yếu tố nhân sự cần được quan tâm hàng đầu. Hiểu được điều này, Ban quản trị Lilama 45.4 luôn chú trọng đầu tư thời gian, sức lực, và các nguồn lực khác để xây dựng một đội ngũ nhân sự nhiệt tình, tận tâm, làm việc hiệu quả.

### Cơ cấu lao động của Công ty cổ phần Lilama 45.4 (ngày 31/12/2012)

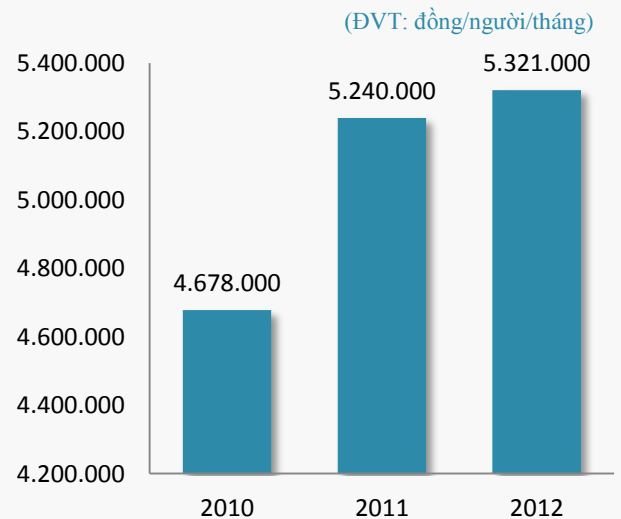


Tính đến thời điểm 31/12/2012, số lượng CB-CNV của Công ty là 640 người.

So với năm 2012, đội ngũ CB-CNV đã giảm đáng kể (năm 2011, Công ty có 890 CB-CNV).

Trong đó chủ yếu là sự biến động về số lượng công nhân kỹ thuật. Sự thay đổi này xuất phát từ sự chủ động của Công ty. Ban quản trị trong năm đã tiến hành rà soát, và quyết định tinh gọn bộ máy để tiết kiệm chi phí nhân lực, đồng thời hướng tới mục tiêu xây dựng nhân lực chất lượng đáp ứng được yêu cầu của công ty.

Tiền lương trung bình của đội ngũ CB-CNV công ty là 5.321.000 đồng/người/tháng, tăng 1,5 % so với năm 2011.



Mức lương trung bình của CB-CNV Công ty Lilama 45.4



### Chính sách người lao động

Những năm qua, thành công, cũng như thương hiệu của công ty gắn liền với một đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân lành nghề với trình độ khoa học kỹ thuật cao, tay nghề giỏi. Để tiếp tục duy trì lợi thế cạnh tranh, phát triển thương hiệu hơn nữa, Công ty tiếp tục theo đuổi những chính sách nhân sự đúng đắn đã đề ra:

- Xây dựng cơ cấu nhân sự phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty với tiêu chí đúng người, đúng việc nhằm phát huy khả năng của từng người thật hiệu quả.
- Đảm bảo đầy đủ số lượng CB-CNV quản lý, giám sát, thi công cho các công trình và dự án.
- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao tay nghề, trình độ của CB-CNV theo định hướng phát triển của công ty.
- Đảm bảo chế độ đãi ngộ cho CB-CNV:

Tất cả CB-CNV làm việc cho công ty đều được ký hợp đồng lao động nhằm đảm bảo quyền lợi cho từng người.

Trả lương, thưởng đúng thời hạn.

Tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ cho CB-CNV theo đúng quy định và thỏa ước lao động.

Thưởng và đề xuất bổ nhiệm vị trí mới cho các cá nhân đạt thành tích xuất sắc.

Cán bộ quản lý và ban Tổng Giám đốc công ty luôn quan tâm kịp thời đến các trường hợp khó khăn đặc biệt, tạo điều kiện cho CB-CNV yên tâm công tác. Khuyến khích con em CB-CNV đạt kết quả cao trong học tập bằng những phần thưởng vào các dịp đặc biệt.

Công ty sẽ quan tâm hơn nữa trong việc tổ chức các hội thao, văn hóa văn nghệ phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của tập thể CB-CNV.

**Dự án đầu tư lớn :** Trong năm, Công ty không có dự án đầu tư lớn.

Cùng với tình hình khó khăn chung của nền kinh tế trong nước và thế giới năm 2012, ngành xây dựng - lắp đặt, sản xuất công nghiệp cũng ít nhiều bị tác động. Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp đã phải có những thay đổi quan trọng trong kế hoạch phát triển, đồng thời nỗ lực hết mình để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Với nỗ lực của Ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, Lilama 45.4 đã đạt được những kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012	So với 2011 (%)	Kế hoạch 2012	So kế hoạch (%)
1	Giá trị sản lượng	đồng		420.000.000.000		420.000.000.000	100,00 %
2	Tổng doanh thu	đồng	370.017.425.505	220.792.805.240	59,67%	260.000.000.000	84,92%
3	Giá vốn hàng bán	đồng	310.001.666.827	176.177.997.163	56,83%		
4	Chi phí tài chính	đồng	28.319.867.903	27.016.254.086	95,40%		
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	15.653.154.899	13.512.449.366	86,32%		
6	Lợi nhuận trước thuế	đồng	14.877.907.914	3.919.907.314	26,35%	10.400.000.000	37,70 %
7	Lợi nhuận sau thuế	đồng	13.200.038.003	2.677.484.201	20,28%	7.800.000.000	34,33%
8	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	(đồng/cổ phần)	3.317	673	20,29%		

Để đạt được kết quả này, Công ty đã phải đối mặt với nhiều thử thách. Đầu tiên, vì không thu xếp được nguồn vốn mà các hợp đồng Lilama 45.4 ký kết với các đối tác chưa thực hiện được. Bên cạnh đó, các hợp đồng mà Công ty đang thực hiện phần lớn đang ở giai đoạn cuối dự án, cần nhiều thời gian để hoàn thiện trong khi khối lượng nghiệm thu đạt được lại thấp. Không những vậy, tiến độ dự án chậm, người lao động phải chờ việc, tiền lương cơ bản lại tăng theo chế độ dẫn đến chi phí nhân công tăng, làm cho lợi nhuận trước, sau thuế cũng giảm theo.



## Tình hình tài chính

Trước những khó khăn đó, lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty đã không ngừng cố gắng để đạt được kết quả an toàn, với mức *Tổng doanh thu* đạt 220,79 tỷ đồng, *Lợi nhuận sau thuế* đạt hơn 2,67 tỷ đồng. Mặc dù chưa hoàn thành so với chỉ tiêu kế hoạch nhưng những kết quả mà công ty đạt được trong năm qua cho thấy được sự cố gắng nỗ lực đáng ghi nhận khi mà cả nước có tới hàng trăm nghìn doanh nghiệp đang lâm vào tình trạng phá sản.

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011	% tăng giảm
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	287.699.953.522	339.738.775.015	-15,32%
<b>Doanh thu thuần</b>	220.792.805.240	370.017.425.505	-40,33%
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	5.791.959.324	16.130.012.522	-64,09%
<b>Lợi nhuận khác</b>	-1.872.052.010	-1.252.104.608	49,51%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	3.919.907.314	14.877.907.914	-73,65%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	2.677.484.201	13.200.038.003	-79,72%
<b>Mức cổ tức</b> (Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu)	14%	14%	-



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012	% tăng giảm so 2011
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn ( <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i> )	Lần	1,14	1,17	2,55%
	Hệ số thanh toán nhanh ( <i>TSLĐ – HTK</i> )/ <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,90	0,73	-18,32%
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	79,72%	77,26%	-3,08%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	393,10%	339,79%	-13,56%
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
	Vòng quay hàng tồn kho ( <i>GVHB/HTK bình quân</i> )	Vòng	3,27	2,19	-33,07%
	Vòng quay tổng tài sản ( <i>DT thuần/Tổng TS bình quân</i> )	Vòng	1,14	0,70	-38,07%
<b>IV</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,57%	1,21%	-66,01%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,58%	3,99%	-80,63%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,05%	0,85%	-78,95%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,36%	2,62%	-39,82%

Hệ số *Khả năng thanh toán ngắn hạn* của Công ty tăng 2,55 % so với 2011, trong khi *Khả năng thanh toán nhanh* giảm từ 0,9 lần xuống còn 0,73 lần do Công ty tăng lượng hàng tồn kho trong năm 2012. Mặc dù vậy, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty vẫn nằm ở mức an toàn, cho thấy Lilama 45.4 luôn đáp ứng được nghĩa vụ thanh toán của những khoản nợ ngắn hạn.

Hoạt động kinh doanh của Công ty được tài trợ chủ yếu bằng *Nợ*, dù *Tổng tài sản* trong năm giảm nhưng cơ cấu *Nợ/Tổng tài sản* vẫn không biến động nhiều là do *Nợ phải trả* trong năm cũng giảm (48,56 tỷ đồng).



Do gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh, *Vòng quay tổng tài sản* giảm 38,07% do *Doanh thu thuần* giảm 40,33% trong khi *Tổng tài sản bình quân* chỉ giảm 3,64%. *Vòng quay hàng tồn kho* giảm 33,07% là do lượng *Hàng tồn kho* trong năm tăng hơn 31,58 tỷ đồng.

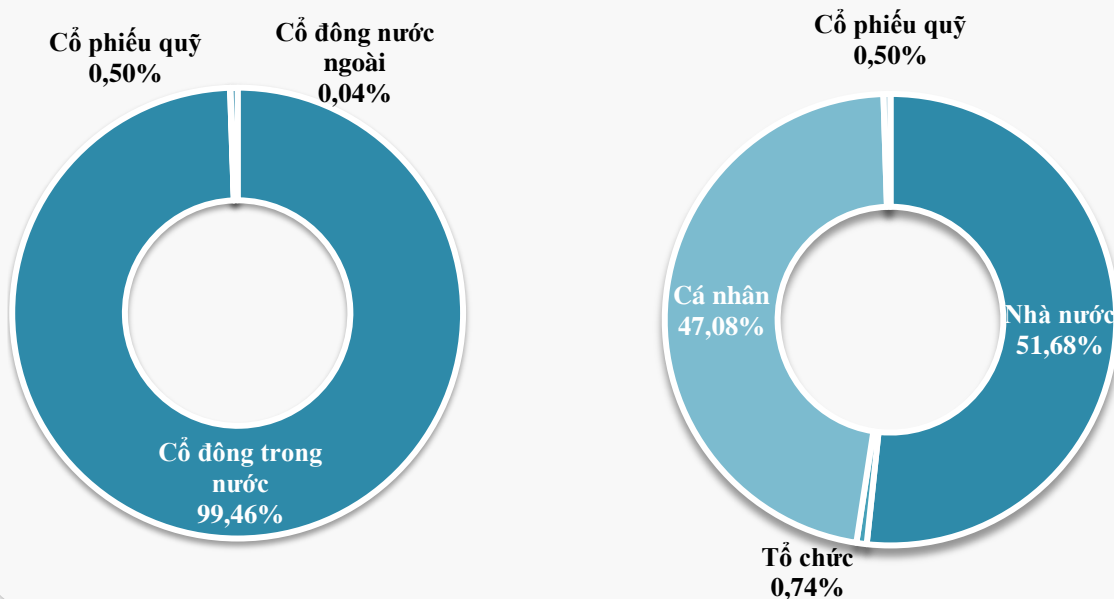
Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi giảm xuống trong năm 2012 do hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn khiến *Lợi nhuận sau thuế* của Công ty giảm 79,72% trong khi *Tổng tài sản bình quân* giảm 3,64% và *Vốn chủ sở hữu bình quân* tăng 4,71%.

### Thông tin cổ phần, cổ đông

Vốn điều lệ 2012 của công ty là 40.000.000.000 đồng, không thay đổi so với năm 2011. Mệnh giá 1 cổ phần là 10.000đ

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 4.000.000 cổ phần
- Số cổ phần đang lưu hành: 3.980.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.980.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

### Cơ cấu cổ đông Công ty Cổ phần Lilama 45.4 (31/12/2012)



**Danh sách cổ đông lớn (cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ)**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam</b>				
	Địa chỉ: 124 Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng	124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.067.346	51,68%
1	<i>Được đại diện bởi:</i>			
	1. Ông Hoàng Văn Dư		1.067.346	
	2. Ông Đặng Văn Phúc		600.000	
	3. Ông Đào Văn Cường		400.000	

**Tăng vốn cổ phần trong năm:** Không có

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**Các chứng khoán khác:** Không có



# BÁO CÁO

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Những tiến bộ trong năm
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Kế hoạch phát triển tương lai





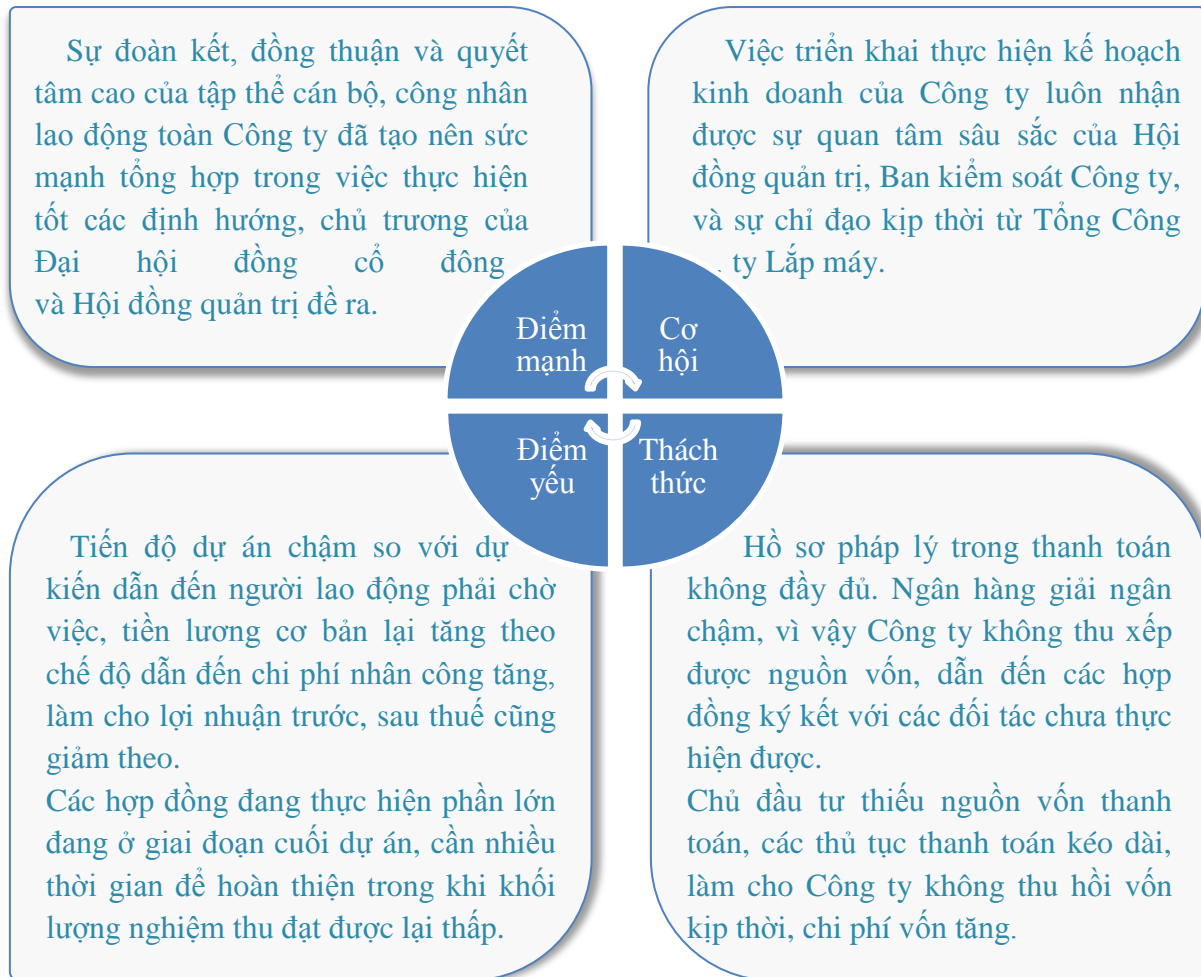
## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Dưới sự chỉ đạo tích cực của Hội đồng quản trị, trong năm vừa qua, Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng điều hành Công ty nhằm đảm bảo thực hiện đúng các định hướng mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra. Do sự khó khăn chung của nền kinh tế nên một số chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch. Dù vậy, *Tổng doanh thu* của Công ty cũng đạt 220,79 tỷ đồng, cho thấy những nỗ lực vượt bậc của toàn thể cán bộ công nhân viên trong bối cảnh hàng trăm nghìn doanh nghiệp khác bị rơi vào tình trạng phá sản trong năm qua.

STT	Chỉ tiêu	2011	2012	Tăng giảm so với 2011 (%)	Kế hoạch 2012	So kế hoạch (%)
1	<b>Tổng doanh thu (triệu đồng)</b>	370.017,43	220.792,81	59,67%	260.000	84,92%
2	<b>Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)</b>	14.877,91	3.919,91	26,35%	10.400	37,69%
3	<b>Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)</b>	13.200,04	2.677,48	20,28%	7.800	34,33%
4	<b>Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (đồng/cổ phần)</b>	3.317	673	20,29%	-	-



## Phân tích SWOT



“

Mặc dù được Hội đồng Quản trị hết sức tin tưởng vào những nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc trong một năm đầy khó khăn vừa qua tuy nhiên Ban Tổng Giám Đốc vẫn tự nhận trách nhiệm về việc chưa hoàn thành kế hoạch trong năm, đồng thời tiến hành xây dựng những biện pháp khắc phục với niềm tin tưởng rằng: Năm 2013, một khi thị trường ổn định hơn, công tác huy động vốn của Công ty hoàn thành, hiệu quả hoạt động của Lilama 45.4 sẽ nhanh chóng được cải thiện.

”

# Những tiến bộ trong năm

## Những tiến bộ công ty đã đạt được

- 1 • Xây dựng chiến lược trung và dài hạn.
- 2 • Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý.
- 3 • Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên trong công ty.
- 4 • Giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng phòng ban trong công ty theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, năm thông qua việc kiểm soát các mục tiêu ưu tiên, các kế hoạch hành động.

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục cơ cấu lại bộ máy nhân sự tinh gọn hơn, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại của công ty.

Bám sát các mục tiêu nhiệm vụ để thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 và của Hội đồng Quản trị.

Hệ thống và quy trình hóa công tác báo cáo của các phòng ban để nguồn thông tin, dữ liệu được chính xác và kịp thời.

Có chiến lược hoạch định tồn kho phù hợp với từng chu kỳ sản xuất kinh doanh.



## Tình hình tài chính

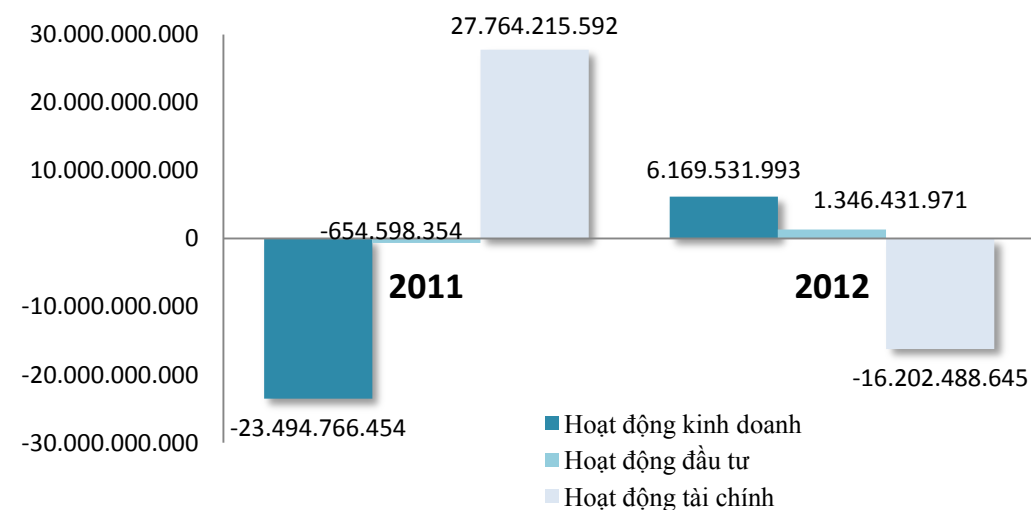
### Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty trong năm giảm gần 52,04 tỷ đồng là do *Tài sản ngắn hạn* giảm 45,03 tỷ đồng và *Tài sản dài hạn* giảm 7 tỷ đồng. Tuy nhiên, cơ cấu tài sản lại ít biến động so với 2011, tài sản của công ty chủ yếu vẫn là *Tài sản ngắn hạn* (gần 90%).

Chỉ tiêu	2011	2012	Chênh lệch	% tăng giảm	Tỷ trọng 2011	Tỷ trọng 2012
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>302.687.370.659</b>	<b>257.652.849.933</b>	<b>-45.034.520.726</b>	<b>-14,88%</b>	<b>89,09%</b>	<b>89,56%</b>
<i>Tiền và tương đương tiền</i>	<i>10.089.219.582</i>	<i>1.402.694.901</i>	<i>-8.686.524.681</i>	<i>-86,10%</i>	<i>2,97%</i>	<i>0,49%</i>
<i>Các khoản phải thu</i>	<i>227.660.347.452</i>	<i>159.873.311.331</i>	<i>-67.787.036.121</i>	<i>-29,78%</i>	<i>67,01%</i>	<i>55,57%</i>
<i>Hàng tồn kho</i>	<i>64.721.662.624</i>	<i>96.305.955.602</i>	<i>31.584.292.978</i>	<i>48,80%</i>	<i>19,05%</i>	<i>33,47%</i>
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>37.051.404.356</b>	<b>30.047.103.589</b>	<b>-7.004.300.767</b>	<b>-18,90%</b>	<b>10,91%</b>	<b>10,44%</b>
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>339.738.775.015</b>	<b>287.699.953.522</b>	<b>-52.038.821.493</b>	<b>-15,32%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

*Tài sản ngắn hạn* giảm chủ yếu là do *Các khoản phải thu* giảm đến 67,79 tỷ đồng trong khi *Hàng tồn kho* chỉ tăng 31,58 tỷ đồng. Ngoài ra, *Tiền và tương đương tiền* giảm 8,69 tỷ đồng cũng góp phần làm giảm khoản mục *Tài sản ngắn hạn*. Tuy nhiên *Tiền và tương đương tiền* giảm là do dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính giảm mạnh (43,96 tỷ đồng), cụ thể là do giảm vay nợ 44,28 tỷ đồng. Trong khi đó, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và đầu tư trong năm qua đều tăng đáng kể so với năm trước, đặc biệt là dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh tăng cho thấy dòng tiền vào nhiều hơn dòng tiền ra đến hơn 29,66 tỷ đồng. Điều này cho thấy khả năng tạo ra tiền, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang tiến triển tích cực.

Chỉ tiêu	2011	2012	Chênh lệch
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-23.494.766.454</b>	<b>6.169.531.993</b>	<b>29.664.298.447</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>-654.598.354</b>	<b>1.346.431.971</b>	<b>2.001.030.325</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>27.764.215.592</b>	<b>-16.202.488.645</b>	<b>-43.966.704.237</b>
<i>Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được</i>	<i>252.057.729.302</i>	<i>207.773.626.974</i>	<i>-44.284.102.328</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>3.164.850.784</b>	<b>-8.686.524.681</b>	<b>-11.851.375.465</b>



### Lưu chuyển tiền thuần 2011-2012

(DVT: đồng)

## Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2011	2012	Chênh lệch	% tăng giảm	Cơ cấu Nợ 2011	Cơ cấu Nợ 2012
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>265.419.413.466</b>	<b>220.314.513.736</b>	<b>-45.104.899.730</b>	<b>-16,99%</b>	<b>98,00%</b>	<b>99,11%</b>
Vay và nợ ngắn hạn	139.973.741.997	129.417.253.352	-10.556.488.645	-7,54%	51,68%	58,22%
Phải trả người bán	69.533.081.188	48.447.978.404	-21.085.102.784	-30,32%	25,67%	21,80%
Người mua trả tiền ứng trước	10.927.231.306	447.150.000	-10.480.081.306	-95,91%	4,03%	0,20%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.578.696.309	8.426.149.018	-6.152.547.291	-42,20%	5,38%	3,79%
Phải trả công nhân viên	12.329.738.848	10.476.217.848	-1.853.521.000	-15,03%	4,55%	4,71%
Chi phí phải trả	99.750.000	4.291.565.182	4.191.815.182	4202,32%	0,04%	1,93%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>5.421.384.850</b>	<b>1.968.245.850</b>	<b>-3.453.139.000</b>	<b>-63,69%</b>	<b>2,00%</b>	<b>0,89%</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>270.840.798.316</b>	<b>222.282.759.586</b>	<b>-48.558.038.730</b>	<b>-17,93%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Nợ phải trả năm 2012 của Công ty giảm 48,56 tỷ đồng là do Nợ ngắn hạn giảm 45,10 tỷ đồng (tương đương 16,99%) và Nợ dài hạn giảm 3,45 tỷ đồng (tương đương 63,69%). Tuy nhiên, cơ cấu Nợ ngắn hạn/Nợ dài hạn không biến động nhiều và chiếm tỷ trọng chủ yếu (hơn 99%) vẫn là Nợ ngắn hạn.

Nợ ngắn hạn giảm là do hầu hết các khoản mục thành phần đều giảm. Góp phần nhiều nhất là Phải trả người bán giảm 21,09 tỷ đồng (tương đương 30,32%). Tiếp theo đó là Vay và nợ ngắn hạn cùng với Người mua ứng trước giảm khoảng 10,5 tỷ đồng từng khoản mục. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và Phải trả công nhân viên cũng góp phần làm giảm Nợ ngắn hạn của Công ty.

### Nợ xấu phải thu

Tình hình nợ xấu phải thu của công ty được thể hiện qua dự phòng các khoản thu khó đòi. Trong năm 2012, khoản này duy trì ở mức 122,6 triệu, không có khoản nợ xấu mới phát sinh thêm so với năm 2011. Cho thấy công ty đang kiểm soát khá tốt giá trị các khoản nợ, nên rủi ro nợ xấu của công ty không đáng lo ngại.

### Chênh lệch lãi vay

Để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của công ty, hiện tại Công ty đang sử dụng nguồn vốn vay từ các ngân hàng (phần lớn từ Ngân hàng ĐT&PT Đồng Nai). Công ty chủ yếu vay các khoản nợ ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Nếu lãi suất tăng cao sẽ gây áp lực cho công ty trong việc trả lãi vay. Tuy nhiên, trong năm 2013, lãi suất dự báo sẽ được Ngân hàng nhà nước điều hành ổn định trong xu hướng giảm. Do đó, rủi ro về lãi suất của công ty là không đáng kể và sẽ giảm xuống theo xu hướng của năm 2013.

### Chênh lệch của tỉ giá hối đoái

Năm 2011, công ty chỉ có lượng ngoại tệ là 794,88 USD, và 5.110 BATH. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2012, công ty đã sử dụng hết số ngoại tệ này. Vì dưới sự điều hành của NHNN, tỉ giá USD/VND ít biến động, và ngoại tệ của doanh nghiệp sử dụng cũng không nhiều nên tác động của tỉ giá kết quả hoạt động SX-KD công ty là không đáng kể.





## Kế hoạch phát triển trong tương lai

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4 đã thông qua kế hoạch hoạt động năm 2013 như sau:

(ĐVT: đồng)

TT	Nội dung	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	%
1	<b>Giá trị sản lượng</b>	420.000.000.000	420.000.000.000	100%
2	<b>Doanh thu</b>	220.792.805.240	260.000.000.000	118%
3	<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	3.919.907.314	8.000.000.000	204%
	<b>Vốn điều lệ</b>	40.000.000.000	40.000.000.000	100%
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận / Vốn điều lệ</b>	10%	20%	204%
5	<b>Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu</b>	2%	3%	173%
6	<b>Nộp NSNN</b>	10.447.000.000	12.000.000.000	115%
7	<b>Thu nhập bình quân người/tháng</b>	5.321.000	5.400.000	101%
8	<b>Dự kiến chia cổ tức</b>	14%	10%	71%
9	<b>Đầu tư XDCB</b>	0	0	



# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ❖ Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- ❖ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



## Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Mặc dù có những cải thiện đáng kể so với năm 2011, nhưng nền kinh tế vĩ mô trong năm 2012 vẫn còn tồn tại rất nhiều khó khăn, thử thách cho doanh nghiệp. Tăng trưởng GDP của Việt Nam là 5,03% thấp nhất trong 13 năm trở lại trong khi CPI lại tăng đến 6,81% so với năm 2011. Trong bối cảnh đó, tình hình hoạt động của Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn như: không thu xếp được nguồn vốn để thực hiện các dự án ký kết với đối tác; các dự án tập trung công tác hoàn thiện và quyết toán công trình, công việc mất nhiều thời gian nhưng khối lượng nghiệm thu đạt thấp; hồ sơ pháp lý trong thanh toán không đầy đủ dẫn đến việc ngân hàng giải ngân chậm...

Đứng trước những khó khăn, thách thức đó, dù không đạt những kế hoạch đề ra nhưng lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Lilama 45.4 đã không ngừng cố gắng để đạt được kết quả an toàn, với Tổng doanh thu thuần đạt 220,79 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 2,67 tỷ đồng. Vì vậy Hội đồng quản trị vẫn đánh giá cao những nỗ lực, đồng lòng của đội ngũ CB-CNV và Ban Tổng Giám đốc và tin tưởng rằng, một khi tình hình kinh tế cải thiện, Công ty sẽ quay lại nhanh chóng với đà tăng trưởng của mình.

**220.792.805.240** đồng  
*Tổng doanh thu*

**2.677.484.201** đồng  
*Lợi nhuận sau thuế*

## Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2012 tình hình hoạt động của công ty gặp nhiều khó khăn.

HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo hành lang thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

“ Trong năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm đúng với các chỉ đạo và quy định do HĐQT ban hành. Nhưng vì nhiều nguyên nhân mà kết quả không đạt như kế hoạch. Tuy nhiên, HĐQT vẫn rất trân trọng những nỗ lực, và đóng góp của Ban điều hành, các anh/chị em nhân viên trong công ty, ... vì sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty trong những năm qua.

”



## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2013, theo dự báo của các chuyên gia, những khó khăn trong năm 2012, sẽ tiếp tục tác động đến tăng trưởng kinh tế với mức độ tác động thấp hơn. Trước tình hình đó, HĐQT sẽ vẫn xây dựng một kế hoạch phát triển thận trọng như sau:

**Giá trị sản lượng:**

**420.000.000.000** đồng

**Doanh thu:**

**260.000.000.000** đồng

**Lợi nhuận trước thuế TNDN:**

**8.000.000.000** đồng

**Thu nhập bình quân đầu người:**

**5.400.000** đồng/người/tháng

**Cổ tức: Mệnh giá  
10.000 đồng/cổ phiếu)**

**10%**



Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh doanh đề ra năm 2013, toàn Công ty cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

- 1. Đẩy mạnh khẳng định vị thế công ty, phát triển thị trường.
- 2. Đảm bảo tiến độ thi công các dự án đang triển khai, xúc tiến đấu thầu dự án mới.
- 3. Tăng cường công tác quản lý rủi ro, đảm bảo tiến độ thu hồi vốn.
- 4. Tìm kiếm nguồn vốn linh hoạt, chi phí vay thấp nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- 5. Duy trì kỷ kết và thực hiện các hợp đồng theo tổng thầu EPC nhằm nâng cao uy tín và vị thế của công ty.
- 6. Chú trọng công tác nhân sự, để khuyến khích CB-CNV làm việc có hiệu quả.

Với thế mạnh về công nghệ thiết bị hiện đại, nguồn nhân lực được đào tạo tốt, năng lực thi công lớn và uy tín ở các công trình đã thực hiện, HĐQT tin rằng Công ty sẽ có những bước tiến mạnh mẽ trong những năm tới bằng sức mạnh nội tại và sự khôn khéo trong kinh doanh.



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát
- ❖ Quan hệ cổ đông



## Hội đồng quản trị

### Thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	<b>Hoàng Văn Dur</b>	Chủ tịch HĐQT	Kiểm Tổng Giám đốc	133.000	3,325
2	<b>Hoàng Văn Hà</b>	Thành viên HĐQT	Kiểm Phó Tổng Giám đốc	36.912	0,923
3	<b>Đặng Văn Phúc</b>	Thành viên HĐQT	Kiểm Kế toán trưởng	32.000	0,800
4	<b>Đào Văn Cường</b>	Thành viên HĐQT	Kiểm Giám đốc Nhà máy	18.880	0,472
5	<b>Vũ Thế Phương</b>	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	6.608	0,165
		<b>Tổng</b>		<b>227.400</b>	<b>5,685</b>

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.



### Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức 6 phiên họp và đều có sự tham gia đầy đủ của tất cả thành viên.

Phiên họp	Biên bản số	Nội dung
Thường lệ ngày 04/01/2012	08- 2011/BB- HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý 4 và cả năm 2011.</li> <li>• Thông qua kế hoạch vay vốn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai.</li> <li>• Xem xét tổng quỹ tiền lương năm 2011 và thông qua đơn giá tiền lương năm 2011.</li> <li>• Thông qua việc chia tháng lương thứ 13 năm 2011.</li> </ul>
Thường lệ ngày 03/03/2012	01- 2012/BB- HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư quý 1, phương hướng SXKD và đầu tư quý 2 năm 2012.</li> <li>• Thông qua kế hoạch, tiến độ công tác chuẩn bị Đại hội cổ đông năm 2012.</li> <li>• Chấn chỉnh công tác quản trị Công ty.</li> </ul>
Bất thường ngày 11/06/2012	02- 2012/BB- HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhượng bán vật tư tồn kho Công ty không có nhu cầu sử dụng.</li> <li>• Thông qua kế hoạch chia cổ tức đợt 1 năm 2011.</li> <li>• Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán.</li> </ul>
Bất thường ngày 02/07/2012	03- 2012/BB- HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua kế hoạch vay vốn và ủy quyền người đại diện ký kết các văn bản trong quan hệ vay vốn, bảo lãnh theo hạn mức tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai.</li> <li>• Thông qua việc nâng bậc lương cho cán bộ quản lý Công ty.</li> <li>• Thay đổi đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012.</li> </ul>

<p>Thường lệ ngày 19/07/2012</p>	<p>04- 2012/BB- HĐQT</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư quý 2/2012, phương hướng SXKD và đầu tư quý 3/2012.</li> <li>• Thông qua việc xây dựng kế hoạch tiền lương và đơn giá tiền lương năm 2012.</li> <li>• Thông qua việc chi trả lương cho người lao động theo mức lương cơ bản mới 1.050.000đ.</li> </ul>
<p>Thường lệ ngày 05/01/2013</p>	<p>05- 2012/BB- HĐQT</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm và cả năm 2012.</li> <li>• Xem xét tổng quỹ lương và điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2012.</li> <li>• Thông qua việc chia tháng lương thứ 13 năm 2012.</li> <li>• HĐQT thông qua việc đề ông Nguyễn Văn Hiền- thành viên BKS nghỉ hưu và chưa bổ sung thay thế thành viên BKS mới chờ Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 bầu bổ sung.</li> <li>• Thông qua việc lập BCQT 6 tháng cuối năm 2012, BCTC quý 4/2012, BCTC kiểm toán, BCTN năm 2012</li> <li>• Thông qua kế hoạch SXKD năm 2013.</li> <li>• Thông qua việc HĐQT ủy quyền cho người đại diện pháp luật của Công ty ký hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay vốn và tổ chức thực hiện dự án Nhiệt điện Duyên Hải 3.</li> <li>• Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thư ký HĐQT.</li> </ul>





**Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm:**

Số TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	08/NQ-HĐQT/2011	04/01/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua đánh giá tình hình thực hiện SXKD quý 4 và cả năm 2011.</li> <li>- Thông qua tổng quỹ lương năm 2011.</li> <li>- Thông qua đơn giá tiền lương năm 2011 là 196 đồng/1000 đồng doanh thu.</li> <li>- Thông qua việc chi tháng lương thứ 13 năm 2011.</li> </ul>
2	01/NQ-HĐQT/2012	03/03/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt kế hoạch các chỉ tiêu 6 tháng đầu năm 2012.</li> <li>- Thông qua kế hoạch, tiến độ công tác chuẩn bị Đại hội cổ đông năm 2012.</li> <li>- Chấn chỉnh công tác quản trị công ty.</li> </ul>
3	02/NQ-HĐQT/2012	11/06/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhượng bán vật tư tồn kho không có nhu cầu sử dụng cho Công CP Công nghiệp nặng ANPHA.</li> <li>- Tổ chức thực hiện việc chia cổ tức đợt 1 năm 2011 là 7%/mệnh giá.</li> <li>- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012.</li> </ul>
4	03/NQ-HĐQT/2012	02/07/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐQT ủy quyền cho Ông Hoàng Văn Dư - Tổng giám đốc công ty CP Lilama 45.4 là người đại diện theo pháp luật của Công ty được làm đại diện Doanh nghiệp thực hiện ký kết các văn bản trong quan hệ vay vốn, bảo lãnh theo hạn mức với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển CN Đồng Nai.</li> <li>- Phê duyệt việc nâng lương cho ông Hoàng Văn Dư - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty theo quy định.</li> <li>- Phê duyệt việc thay đổi Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 là Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.</li> </ul>
5	04/NQ-HĐQT/2012	19/07/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt kế hoạch các chỉ tiêu quý 3 năm 2012. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sản lượng: 130 tỷ</li> <li>+ Giá trị doanh thu: 80 tỷ</li> <li>+ Giá trị lợi nhuận: 3,2 tỷ</li> </ul> </li> <li>- Thông qua việc xây dựng kế hoạch đơn giá tiền lương năm 2012 <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương: 50 tỷ</li> <li>+ Đơn giá tiền lương: 191 đồng/1000 đồng doanh thu</li> </ul> </li> </ul>

6	05/NQ- HĐQT/2012	05/01/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua đánh giá tình hình thực hiện SXKD 6 tháng cuối năm và cả năm 2012 <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sản lượng cả năm 2012: 420 tỷ</li> <li>+ Giá trị doanh thu cả năm 2012: 220 tỷ</li> <li>+ Giá trị lợi nhuận cả năm 2012: 4,4 tỷ</li> </ul> </li> <li>- Phê duyệt tổng quỹ lương và điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2012.</li> <li>- Phê duyệt việc chia tháng lương thứ 13 năm 2012.</li> <li>- HĐQT thông qua việc đề ông Nguyễn Văn Hiến- thành viên BKS nghỉ hưu và chưa bổ sung thay thế thành viên BKS mới chờ Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 bầu bổ sung.</li> <li>- Phê duyệt việc lập BCQT 6 tháng cuối năm 2012, BCTC quý 4/2012, BCTC kiểm toán, BCTN năm 2012.</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch SXKD 2013 <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sản lượng năm 2013: 420 tỷ</li> <li>+ Giá trị doanh thu năm 2013: 260 tỷ</li> <li>+ Giá trị lợi nhuận năm 2013: 7,8 tỷ</li> </ul> </li> <li>- HĐQT ủy quyền cho Ông Hoàng Văn Dur- Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4 là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay vốn và tổ chức thực hiện dự án Nhiệt điện Duyên hải 3.</li> <li>- Phê duyệt việc HĐQT miễn nhiệm chức vụ thư ký HĐQT của ông Đặng Văn Phúc. Bầu bổ sung bà Phan Thị Thanh Thủy làm thư ký cho HĐQT Công ty cổ phần Lilama 45.4 kể từ ngày 01/01/2013.</li> </ul>
7	01/QĐ- HĐQT/2012	02/07/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định nâng bậc lương cho ông Hoàng Văn Dur- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Lilama 45.4 từ bậc 1/2 lên bậc 2/2 DN hạng 1 kể từ ngày 01/04/2012.</li> </ul>
8	02/QĐ- HĐQT/2012	19/07/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt đơn giản tiền lương năm 2012 là 191 đồng/ 1000 đồng doanh thu.</li> </ul>
9	03/QĐ- HĐQT/2012	28/07/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt việc áp dụng mức lương tối thiểu chung mới năm 2012 là 1.050.000 đ kể từ ngày 01/05/2012</li> </ul>
10	04/QĐ- HĐQT/2012	05/01/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định miễn nhiệm ông Đặng Văn Phúc thành viên HĐQT kiêm thư ký thôi giữ chức thư ký HĐQT kể từ ngày 01/01/2013</li> </ul>
11	05/QĐ- HĐQT/2012	05/01/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định bổ nhiệm bà Phan Thị Thanh Thủy làm thư ký cho HĐQT kể từ ngày 01/01/2013</li> </ul>
12	06/QĐ- HĐQT/2012	05/01/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt đơn giá tiền lương đã được điều chỉnh năm 2012 là 250 đồng/ 1000 đồng doanh thu.</li> </ul>



**Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:**

**1**

Giám sát Tổng Giám đốc trong điều hành đối với việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty.

**2**

Hàng tháng yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng báo cáo hiệu quả kinh doanh.

**3**

Xem xét đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, các giải pháp thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

**Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

Trong năm 2012, ông Vũ Thế Phương tham gia đầy đủ các cuộc họp và hoạt động của HĐQT.

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:**

Không có

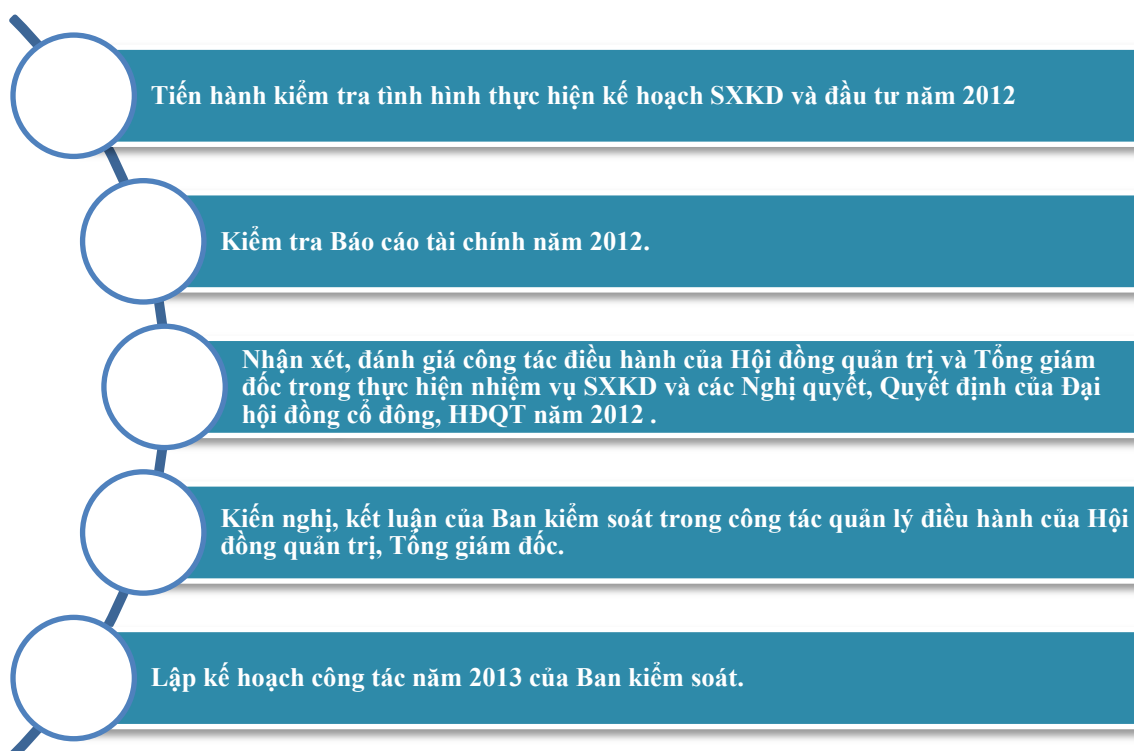
## Ban Kiểm soát

### Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ
1	<b>Ông Lê Đình Khanh</b>	Trưởng BKS	500	0,013%
2	<b>Ông Đặng Tiến Toàn</b>	Thành viên BKS	11.176	0,279%
3	<b>Ông Nguyễn Văn Hiến</b>	Thành viên BKS	2.600	0,065%
	<b>Tổng</b>		14.276	0,360%

### Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo qui định về các hoạt động của Công ty với các nội dung chủ yếu sau:



## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012

Năm 2012, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, Nhà nước cắt giảm đầu tư, các dự án thủy điện lớn Công ty thi công đã kết thúc, các công trình thi công hoàn thành chậm quyết toán thu hồi vốn với Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến KQKD của công ty. Mặt khác, do ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất vay vốn ngân hàng tăng cao trong khi các chủ đầu tư chậm thanh toán khối lượng hoàn thành, công ty phát sinh vay vốn lớn làm tăng chi phí lãi vay. Doanh thu năm 2012 đạt 220,79 tỷ đồng, bằng 59,67% so với năm 2011 nhưng chi phí phải trả là 26,77 tỷ đồng (tăng 3,7% so với năm 2011).

Năm 2012, Công ty không hoàn thành kế hoạch được giao cả về doanh thu và lợi nhuận.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2012

Nhìn chung số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã phản ánh tương đối trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Đơn vị tại thời điểm 31/12/2012, cũng như Kết quả hoạt động SXKD và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại là chưa trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi.

## CÔNG TÁC ĐẦU TƯ NĂM 2012

Năm 2012, Công ty đã đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị phù hợp với nhu cầu cấp thiết của các dự án mà Công ty đang thi công với số tiền đã đầu tư năm 2012 là: 359.422.728 đồng.



**NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ  
ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng Quản trị:**

- Trong năm 2012, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để chỉ đạo kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành doanh nghiệp theo đúng pháp luật, Điều lệ công ty và các Nghị quyết đã ban hành. Tuy nhiên, trong 5 tháng cuối năm 2012 (Từ tháng 8/2012 đến tháng 12/2012), Hội đồng quản trị công ty không tiến hành họp thường kỳ là chưa tuân thủ điều lệ Công ty.
- Trong năm 2012, do còn nhiều khó khăn về vốn trong sản xuất kinh doanh nên Hội đồng quản trị Công ty chưa thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2011 cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2012.
- Tích cực chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2012, tuy nhiên Công ty đã không hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2012 đã được Đại hội cổ đông giao cả về doanh thu và lợi nhuận.
- Chỉ đạo công bố thông tin theo Luật Chứng khoán tương đối kịp thời và đầy đủ.
- Đã chỉ đạo triển khai công tác đầu tư mua sắm một số trang thiết bị phục vụ nhu cầu thi công dự án theo đúng quy định.



### *Ban Tổng giám đốc*

- Đã thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ và các qui định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty. Tuy nhiên đã không hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2012 đã được Đại hội cổ đông giao cả về doanh thu và lợi nhuận.
- Chỉ đạo các Phòng, ban chức năng thực hiện tốt công tác tổ chức thi công ở các công trình, đáp ứng tiến độ, chất lượng dự án. Thực hiện triển khai công tác đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT, thực hiện điều hành công tác hạch toán kế toán và các hoạt động quản lý khác của Công ty theo đúng qui định.
- Việc tính toán ghi chép các số liệu trong báo cáo phản ánh tương đối trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012; sử dụng, luân chuyển, lưu trữ bảo quản, bảo đảm tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ.
- Ban Kiểm soát đã thống nhất việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập và các kết luận của biên bản kiểm toán do Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam công bố.

### *Các cuộc họp của BKS và công tác phối hợp với HĐQT và ban TGD.*

Năm 2012, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị và điều hành của Công ty theo đúng quy định. Ban kiểm soát Công ty đã tham gia trong một số phiên họp của HĐQT, đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát.

## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Thù lao
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	
1	Hoàng Văn Dur	45,120
2	Hoàng Văn Hà	33,840
3	Đặng Văn Phúc	33,840
4	Đào Văn Cường	33,840
5	Vũ Thế Phương	33,840
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	
1	Lê Đình Khanh	33,840
2	Đặng Tiến Toàn	22,560
3	Nguyễn Văn Hiễn	22,560
	Tổng cộng	259,440

(Đơn vị: nghìn đồng)

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Lý do	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch
1	Hoàng Văn Dur	CT HĐQT - TGD	123.000	Mua	10.000	133.000
2	Hoàng Văn Hà	TV HĐQT - PTGD	36.912	0	0	36.912
3	Đặng Văn Phúc	TV HĐQT - KTT	32.000	0	0	32.000
4	Đào Văn Cường	TV HĐQT - GĐNM	18.880	0	0	18.880
5	Vũ Thế Phương	TV HĐQT	6.608	0	0	6.608
6	Lê Đình Khanh	TB Kiểm soát	500	0	0	500
7	Đặng Tiến Toàn	TV Kiểm soát	11.176	0	0	11.176
8	Nguyễn Văn Hiễn	TV Kiểm soát	2.600	0	0	2.600
9	Tạ Văn Hùng	P.TGD	20.000	0	0	20.000

(Đơn vị: cổ phần)



**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có.

**Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Công ty luôn ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý tài chính, tổ chức hạch toán kế toán phù hợp các Chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật. Công tác quyết toán tài chính được quan tâm, đảm bảo chính xác, kịp tiến độ, đúng thời gian. Thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính vào 06 tháng và kiểm toán cuối năm đúng quy định. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ tại các đơn vị cơ sở. Thực hiện tốt nghĩa vụ công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty niêm yết.

**Quan hệ cổ đông:**

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 luôn coi trọng công tác quan hệ với các nhà đầu tư:

Nhà đầu tư có thể tìm mọi thông tin liên quan về quan hệ cổ đông tại địa chỉ website:  
<http://www.lilama454.com.vn/Shareholders.aspx>.

Công ty luôn đảm bảo thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn theo quy định. Ngoài ra, website của công ty cũng thường xuyên đăng tải các thông tin quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty.

Năm 2013, Công ty tiếp tục quan tâm phát triển công tác quan hệ nhà đầu tư: đảm bảo việc công bố thông tin đến cổ đông, khách hàng kịp thời, chính xác.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012





## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần LILAMA 45.4 tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 45-4, là Đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty lắp máy Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 4703000330 ngày 14/8/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15/9/2009 với số đăng ký kinh doanh là 3600255703 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khảo sát, tư vấn xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (trừ tư vấn thiết kế xây dựng);
- Tư vấn, thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: Vật liệu xây dựng, giấy, chế biến lương thực và thực phẩm; Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyền công nghệ;
- Mua bán lắp đặt bảo trì thang máy;
- Chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng;
- Chế tạo và lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp (dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí);
- Xây dựng, lắp đặt công trình công nghiệp, dây chuyền công nghệ máy móc, đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất, mua bán hàng kim khí, sắt thép, vật liệu điện, máy móc thiết bị, phụ tùng cơ khí;
- Mua bán phế liệu (trừ các chất thải nguy hại quy định tại Quyết định số 23/2006/QĐ - BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường);
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa./.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 4.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp nhà nước - Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	2.067.346	20.673.460.000	51,68 %
Vốn góp của cổ đông khác	1.932.654	19.326.540.000	48,32 %
	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

### Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Hoàng Văn Dur	Chủ tịch
Ông Đào Văn Cường	Thành viên
Ông Đặng Văn Phúc	Thành viên
Ông Vũ Thế Phương	Thành viên
Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên

### Các thành viên Ban giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Hoàng Văn Dur	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Phúc	Kế toán trưởng

### Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Lê Đình Khanh	Trưởng ban
Ông Đặng Tiến Toàn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.





Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LILAMA 45.4 phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

*Đồng Nai, ngày 18 tháng 02 năm 2013*

**Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**



The stamp is circular and red, containing the text: "S.Đ.K.K.D. 470000330 - C.T.C.P.", "CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4", and "TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI". A blue ink signature is written over the stamp.

**Hoàng Văn Dư**



Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 4) 38689 566/88 • Fax: (+84 4) 38686 248 • Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 1902/BCKT/TC/NV5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của  
Công ty cổ phần LILAMA 45.4

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.4

Chúng tôi, Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần LILAMA 45.4 được lập ngày 15/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty được ghi nhận tại trang 2,3 và 4 của Báo cáo Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần LILAMA 45.4 tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**NGUYỄN BẢO TRUNG**

Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0373/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ  
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2013

**TRẦN TRÍ DŨNG**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0895/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>257.652.849.933</b>	<b>302.687.370.659</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.402.694.901</b>	<b>10.089.219.582</b>
1. Tiền	111	V.01	1.402.694.901	10.089.219.582
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>159.873.311.331</b>	<b>227.660.347.452</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	154.638.952.281	214.924.725.144
2. Trả trước cho người bán	132		5.151.096.553	12.653.876.811
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	205.817.777	204.300.777
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(122.555.280)	(122.555.280)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>96.305.955.602</b>	<b>64.721.662.624</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	96.305.955.602	64.721.662.624
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>70.888.099</b>	<b>216.141.001</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	70.888.099	216.141.001
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>30.047.103.589</b>	<b>37.051.404.356</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.178.994.725</b>	<b>35.771.186.541</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	26.197.494.725	31.613.927.917
- Nguyên giá	222		77.908.391.081	77.548.968.353
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(51.710.896.356)	(45.935.040.436)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.981.500.000	2.981.500.000
- Nguyên giá	228		2.981.500.000	2.981.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	-	1.175.758.624
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>868.108.864</b>	<b>1.280.217.815</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	868.108.864	1.280.217.815
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>287.699.953.522</b>	<b>339.738.775.015</b>



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>222.282.759.586</b>	<b>270.840.798.316</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>220.314.513.736</b>	<b>265.419.413.466</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	129.417.253.352	139.973.741.997
2. Phải trả người bán	312	V.11	48.447.978.404	69.533.081.188
3. Người mua trả tiền trước	313		447.150.000	10.927.231.306
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	8.426.149.018	14.578.696.309
5. Phải trả công nhân viên	315		10.476.217.848	12.329.738.848
6. Chi phí phải trả	316	V.13	4.291.565.182	99.750.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	17.496.838.225	17.296.562.111
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.311.361.707	680.611.707
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.968.245.850</b>	<b>5.421.384.850</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	1.968.245.850	4.828.245.850
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	593.139.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.417.193.936</b>	<b>68.897.976.699</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>65.417.193.936</b>	<b>68.897.976.699</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.520.000.000	3.520.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(282.000.000)	(282.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(213.733.036)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.264.818.125	6.964.808.625
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		520.644.563	520.644.563
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.738.945.299	1.078.943.399
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.654.785.949	17.309.313.148
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>287.699.953.522</b>	<b>339.738.775.015</b>



## CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		865.512.054	865.512.054
5. Ngoại tệ các loại	007			
- USD			-	794,88
- BATH			-	5.110
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2013

**Người lập biểu**



**Phan Thị Thanh Thủy**

**Kế toán trưởng**



**Đặng Văn Phúc**

**Tổng Giám đốc**



**Hoàng Văn Dư**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17	220.792.805.240	370.017.425.505
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		220.792.805.240	370.017.425.505
4. Giá vốn hàng bán	11	V.18	176.177.997.163	310.001.666.827
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.614.808.077	60.015.758.678
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	1.705.854.699	87.276.646
7. Chi phí tài chính	22	V.20	27.016.254.086	28.319.867.903
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.777.513.117	25.806.556.043
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.512.449.366	15.653.154.899
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.791.959.324	16.130.012.522
11. Thu nhập khác	31		57.227.450	70.219.600
12. Chi phí khác	32		1.929.279.460	1.322.324.208
13. Lợi nhuận khác	40		(1.872.052.010)	(1.252.104.608)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.919.907.314	14.877.907.914
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	1.242.423.113	1.677.869.911
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.677.484.201	13.200.038.003
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		673	3.317

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Đặng Văn Phúc



Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Dư





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Theo phương pháp trực tiếp**  
**Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012**

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	291.260.942.369	314.960.637.372
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(191.797.355.283)	(229.398.413.076)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(56.162.158.000)	(73.696.708.888)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(25.866.415.246)	(25.137.864.148)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.248.034.922)	(1.027.246.800)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.135.075.275	315.202.703
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.152.522.200)	(9.510.373.617)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.169.531.993</b>	<b>(23.494.766.454)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(359.422.728)	(741.875.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.705.854.699	87.276.646
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.346.431.971</b>	<b>(654.598.354)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	207.773.626.974	252.057.729.302
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(221.190.115.619)	(221.507.513.710)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.786.000.000)	(2.786.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(16.202.488.645)</b>	<b>27.764.215.592</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(8.686.524.681)</b>	<b>3.614.850.784</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>10.089.219.582</b>	<b>6.474.368.798</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.402.694.901</b>	<b>10.089.219.582</b>

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Đặng Văn Phúc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Dư

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần LILAMA 45.4 tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 45-4, là Đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty lắp máy Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 4703000330 ngày 14/8/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15/9/2009 với số đăng ký kinh doanh là 3600255703 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, phường Bình Đa, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

- Khảo sát, tư vấn xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (trừ tư vấn thiết kế xây dựng);
- Tư vấn, thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: Vật liệu xây dựng, giấy, chế biến lương thực và thực phẩm; Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyền công nghệ;
- Mua bán lắp đặt bảo trì thang máy;
- Chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng;
- Chế tạo và lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp (dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí);
- Xây dựng, lắp đặt công trình công nghiệp, dây chuyền công nghệ máy móc, đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất, mua bán hàng kim khí, sắt thép, vật liệu điện, máy móc thiết bị, phụ tùng cơ khí;
- Mua bán phế liệu (trừ các chất thải nguy hại quy định tại Quyết định số 23/2006/QĐ BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường); Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa./.

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.





## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp);

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”;

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn; Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
- Chi phí tiền thuê đất trả trước nhiều năm;
- Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



## 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 7. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Năm 2012, Công ty áp dụng việc chi trả trợ cấp mất việc làm theo Thông 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo đó, khi phát sinh chi trợ cấp mất việc làm Công ty hạch toán khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định tại Thông tư này vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng năm 2012, sau khi chi trả trợ cấp mất việc làm cho cán bộ công nhân viên, nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm còn lại Công ty đã kết chuyển thu nhập khác theo đúng hướng dẫn tại Thông tư nêu trên.

## 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm và được dùng để bổ sung vốn điều lệ;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

## 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.





## 11. Công cụ tài chính

### *Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần; hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

## 13. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày tại mục VII.1 trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Tiền mặt tại quỹ	18.142.000	42.822.000
Tiền gửi ngân hàng	1.384.552.901	10.046.397.582
<b>Cộng</b>	<b>1.402.694.901</b>	<b>10.089.219.582</b>
2 . Phải thu khách hàng	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
BQLDA Thủy điện 6 - Đồng Nai 3	5.631.319.370	2.183.812.558
BQLDA Thủy điện 6 - Đồng Nai 4	5.190.136.171	20.526.288.572
BQLDA Thủy điện 7 - An Khê Kanax	13.580.848.239	18.866.389.015
CHALIECO - CT Bau xít nhôm Lâm Đồng	17.115.573.790	33.395.076.420
Công ty CP Cơ khí 4 & XD Thăng Long	12.251.335.289	-
Công ty CP Cảng DV Dầu Khí tổng hợp Phú Mỹ	2.249.621.835	22.072.385.294
Công ty CP Thủy điện Miền Trung - A Lưới	10.306.639.132	11.879.578.256
Công ty CP Thủy điện S.B.hạ (BQLDA TĐ 7)	14.802.655.203	39.763.355.514
Công ty CP TVXD Điện 1 - Thủy điện Sông Bung 5	10.174.516.097	13.271.392.062
Công ty TNHH KTCK Hàng Hải Vinaoffshore	4.492.016.739	-
Công ty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân	5.277.380.947	2.757.315.477
Công ty TNHH XD-TM DL Công Lý	2.727.304.652	-
SINOHYDRO - TĐ Sông Bung 4	12.036.557.078	-
TCTLMNN - DAXM Thăng Long	7.713.320.466	5.584.413.585
TCTXD Số 1 - DA Thủy điện DAKR'TIH	10.626.933.769	17.767.686.718
Các khách hàng khác	20.462.793.504	26.857.031.673
<b>Cộng</b>	<b>154.638.952.281</b>	<b>214.924.725.144</b>
3 . Các khoản phải thu khác	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Phải thu khác	205.817.777	204.300.777
- Nguyễn Ngọc Lân	204.300.777	204.300.777
- Phải thu khác	1.517.000	-
<b>Cộng</b>	<b>205.817.777</b>	<b>204.300.777</b>
4 . Hàng tồn kho	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Nguyên liệu, vật liệu	7.124.548.965	9.184.085.540
Công cụ, dụng cụ	207.135.910	301.129.283
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.974.270.727	55.236.447.801
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>96.305.955.602</b>	<b>64.721.662.624</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần hàng tồn kho cuối kỳ</b>	<b>96.305.955.602</b>	<b>64.721.662.624</b>
5 . Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Tạm ứng	70.888.099	216.141.001
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>70.888.099</b>	<b>216.141.001</b>





## 6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu kỳ	17.614.784.229	23.974.105.592	34.335.024.176	1.625.054.356	77.548.968.353
Số tăng trong kỳ	-	272.000.000	-	87.422.728	359.422.728
- Mua trong năm	-	272.000.000	-	87.422.728	359.422.728
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	17.614.784.229	24.246.105.592	34.335.024.176	1.712.477.084	77.908.391.081
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	9.503.836.240	15.645.024.404	19.631.183.575	1.154.996.217	45.935.040.436
Số tăng trong kỳ	913.888.000	2.174.534.920	2.455.860.000	231.573.000	5.775.855.920
- Khấu hao trong kỳ	913.888.000	2.174.534.920	2.455.860.000	231.573.000	5.775.855.920
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.417.724.240	17.819.559.324	22.087.043.575	1.386.569.217	51.710.896.356
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	8.110.947.989	8.329.081.188	14.703.840.601	470.058.139	31.613.927.917
Tại ngày cuối kỳ	7.197.059.989	6.426.546.268	12.247.980.601	325.907.867	26.197.494.725
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:				18.925.254.997	đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				19.856.794.606	đồng

## 7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: đồng	
	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>		
Số dư đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Số dư cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Tại ngày cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000

## 8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Xây dựng cơ bản dở dang	-	1.175.758.624
- Kho chứa cát, phun cát	-	250.018.120
- Đường nội bộ XCK, sửa chữa sân bãi	-	925.740.504
<b>Cộng</b>	-	<b>1.175.758.624</b>

## 9 . Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Phí bảo lãnh thực hiện công trình	25.314.819	197.926.451
Sửa chữa lớn tài sản cố định	163.201.545	-
Tiền thuê đất xưởng cơ khí	241.189.500	288.559.500
Phí hạ tầng nhà máy cơ khí	438.403.000	657.617.980
Công cụ dụng cụ	-	136.113.884
<b>Cộng</b>	<b>868.108.864</b>	<b>1.280.217.815</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

10 . Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vay ngắn hạn	126.557.253.352	137.113.741.997
- Ngân hàng ĐT&PT Đồng Nai <sup>(1)</sup>	119.171.488.589	115.452.978.394
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 <sup>(2)</sup>	7.385.764.763	8.501.344.426
- Ngân hàng An Bình Gia Lai	-	13.159.419.177
Vay dài hạn đến hạn trả	2.860.000.000	2.860.000.000
<b>Cộng</b>	<b>129.417.253.352</b>	<b>139.973.741.997</b>

<sup>(1)</sup> Vay Ngân hàng ĐT&PT Đồng Nai, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay được xác định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, lãi được trả hàng tháng.

<sup>(2)</sup> Vay Tổng Công ty Xây dựng số 1, lãi suất theo thông báo từng tháng của Tổng Công ty. Tài sản thế chấp là giá trị hoàn thành gói cơ điện của thủy điện Đak-tih. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay được khi thanh toán được khối lượng công trình, lãi được trả hàng tháng.

11 . Phải trả người bán	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Cửa hàng Nguyễn Thị Đỗ Quyên	384.930.500	607.470.500
Chi nhánh Công ty CP KCKL & LMDK - XNXL 2	1.694.085.800	-
Chi nhánh Công ty CPTM & TV Tân Cơ	2.012.981.372	1.413.341.985
Công ty CP Lilama - Thí nghiệm Cơ điện	463.092.740	1.648.607.066
Công ty CP TMĐT&XD Việt An	93.033.822	641.257.899
Công ty TNHH An Ngọc Phát	355.868.616	1.415.852.549
Công ty TNHH Khí CN Hải Yến	1.529.522.500	1.591.854.000
Công ty TNHH Thép IPC - Sài Gòn	92.093.278	1.209.938.848
Công ty TNHH TM-DV Ba Vi	-	525.194.330
Công ty TNHH TMDV SX Hồng Hồng Phước	511.181.088	-
Công ty TNHH TMDV TK Xây dựng Khải Hoàn	1.522.757.500	-
Công ty TNHH XD-DV Quang Tùng	18.176.200	669.089.200
Công ty CP SX&TM Hoàng Đạt	2.258.691.340	14.070.136.300
Công ty CP BV Hoàng Long Hải	93.291.600	790.839.900
Công ty CP PRODETECH	3.249.111.077	-
Công ty CP Sonadzi Long Bình	501.228.763	1.002.457.527
Công ty CP TVĐTKT & XD An Phú	1.548.531.601	1.548.531.601
Công ty CP XD & KDVT (C&T)	10.278.146.797	12.580.191.893
Công ty cổ phần Hoàng Liên	857.754.512	2.622.668.316
Công ty TNHH IPC - Hà Nội	1.473.623.541	1.473.623.541
Công ty TNHH TM Hùng Phát	318.085.607	748.861.117
Công ty TNHH TM-VT ngành nước Minh Tiến	-	600.000.000
Công ty TNHH TMDV Tiên Hoa	368.969.750	762.429.857
Công ty TNHH Vận tải TM Trường Phú	272.884.622	2.433.378.897
DNTN Tân Phát Cường	1.191.785.650	1.309.464.750
DNTN Đào Vinh Hạnh	5.044.049.316	2.667.912.959
Viện NCKK (NARIME) - CT Đak Tih	683.901.400	2.223.091.400
Viện NCKK (NARIME) - ĐN 3+4	3.773.383.138	5.073.356.520
Các nhà cung cấp khác	7.856.816.274	9.903.530.233
<b>Cộng</b>	<b>48.447.978.404</b>	<b>69.533.081.188</b>





12 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	6.839.173.595	13.014.139.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.435.907.747	1.441.519.556
Thuế thu nhập cá nhân	56.565.900	28.535.900
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	94.501.776	94.501.776
<b>Cộng</b>	<b>8.426.149.018</b>	<b>14.578.696.309</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . Chi phí phải trả	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Phí dịch vụ bảo vệ tháng 12/2011	-	99.750.000
Thù lao phải trả HĐQT, BKS năm 2012	259.440.000	-
Trích trước chi phí thi công công trình Vina offshore	1.606.307.000	-
Trích trước chi phí thi công công trình điện gió Bạc Liêu	2.425.818.182	-
<b>Cộng</b>	<b>4.291.565.182</b>	<b>99.750.000</b>

14 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Kinh phí công đoàn	440.456.000	790.848.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	5.004.471.151	4.719.326.250
Bảo hiểm thất nghiệp	668.734.242	300.654.546
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.383.176.832	11.485.733.315
- <i>Nợ tiền hoàn ứng các tổ đội công trình</i>	<i>6.067.546.346</i>	<i>9.868.106.700</i>
- <i>Quỹ tình thương</i>	<i>246.418.180</i>	<i>245.512.180</i>
- <i>Thu tiền khu cư xá</i>	<i>322.670.903</i>	<i>322.670.903</i>
- <i>Tiền bán Tài sản thanh lý (XDGTĐN)</i>	<i>32.929.541</i>	<i>32.929.541</i>
- <i>Tiền ủng hộ các tổ chức xã hội</i>	<i>49.694.762</i>	<i>49.694.762</i>
- <i>Cổ tức phải trả cho cổ đông</i>	<i>2.786.000.000</i>	-
- <i>Lãi vay phải trả</i>	<i>1.877.917.100</i>	<i>966.819.229</i>
<b>Cộng</b>	<b>17.496.838.225</b>	<b>17.296.562.111</b>

15 . Vay dài hạn và nợ dài hạn	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.968.245.850</b>	<b>4.828.245.850</b>
- Vay trung hạn ngân hàng ĐT và PT Đồng Nai <sup>(1)</sup>	1.968.245.850	4.828.245.850
<b>Cộng</b>	<b>1.968.245.850</b>	<b>4.828.245.850</b>

<sup>(1)</sup> Chi tiết khoản vay dài hạn như sau:

Số HĐ	Ngày HĐ	Lãi suất vay	Hạn mức vay	Dư nợ gốc còn phải trả tại 31/12/2012	Tài sản đảm bảo
<b>1. Vay trung hạn ngân hàng ĐT và PT Đồng Nai</b>					
12/2010/HĐ	26/7/2010	Lãi suất thả nổi, 3 tháng đầu 14%/năm.	11.480.000.000	4.828.245.850	TS hình thành từ vốn vay là thiết bị và phương tiện thi công

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## 16 . Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 01 trang 23 của Báo cáo này)

### 16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vốn góp của Nhà nước - Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	20.673.460.000	20.673.460.000
Vốn góp của cổ đông khác	19.326.540.000	19.326.540.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

### 16.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.980.000	3.980.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.980.000	3.980.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

### 16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.677.484.201	13.200.038.003
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.677.484.201	13.200.038.003
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.980.000	3.980.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	673	3.317

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 17 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Doanh thu hoạt động xây lắp	220.792.805.240	370.017.425.505
<b>Cộng</b>	<b>220.792.805.240</b>	<b>370.017.425.505</b>

### 18 . Giá vốn hàng bán

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Giá vốn hoạt động xây lắp	176.177.997.163	310.001.666.827
<b>Cộng</b>	<b>176.177.997.163</b>	<b>310.001.666.827</b>

### 19 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Lãi tiền gửi	1.705.854.699	87.276.646
<b>Cộng</b>	<b>1.705.854.699</b>	<b>87.276.646</b>

### 20 . Chi phí tài chính

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Lãi tiền vay	26.777.513.117	25.806.556.043
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.923.750	2.513.311.860
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	229.643.504	-
Chi phí tài chính khác	7.173.715	-
<b>Cộng</b>	<b>27.016.254.086</b>	<b>28.319.867.903</b>





**21 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay đồng
a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	3.919.907.314
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.885.378.777
c. Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (c1+c2)	5.805.286.091
c1. Hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế theo TT 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012 của Bộ Tài chính	2.785.312.133
c2. Hoạt động kinh doanh còn lại	3.019.973.958
d. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (d1+d2)	1.242.423.113
d1. Hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế theo TT 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012 của Bộ Tài chính (c1*25%*70%)	487.429.623
d2. Hoạt động kinh doanh còn lại (c2*25%)	754.993.490

**22 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay đồng	Năm nay đồng
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	111.000.142.922	145.503.796.806
Chi phí nhân công	63.158.429.390	75.496.627.251
Chi phí khấu hao	5.775.855.920	5.828.723.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.049.696.771	31.496.367.224
Chi phí bằng tiền khác	6.444.144.452	6.052.988.543
<b>Cộng</b>	<b>223.428.269.455</b>	<b>264.378.503.665</b>

**VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 . Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	34.083.383.664
2	Công ty cổ phần Lilama nghiệm cơ điện	Thí Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng Chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm Thanh toán tiền	30.962.215.031 57.667.500 1.243.181.826
3	Công ty cổ phần Lilama 18	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Chi phí gia công sản phẩm Thanh toán tiền	168.910.288 491.026.802

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) (đồng)
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	8.417.049.660
2	Công ty cổ phần Lilama 3	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	103.420.461
3	Công ty cổ phần Lilama 45.3	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	48.582.600
4	Công ty cổ phần Lilama 7	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	82.500.000
5	Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ông	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	30.000.000
6	Công ty cổ phần Lilama 18	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải trả người bán	(168.910.288)
7	Công ty cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện			(463.092.740)

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## 2 . Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng một khu vực địa lý và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

## 3 . Công cụ tài chính

### 3.1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm vốn thuộc sở hữu của các chủ sở hữu (bao gồm vốn điều lệ trừ đi lỗ lũy kế).

### 3.2 Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.11.

### 3.3 Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ cuối năm đồng	Giá trị ghi sổ đầu năm đồng
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.402.694.901	10.089.219.582
Phải thu khách hàng và phải thu khác	154.844.770.058	215.129.025.921
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.247.464.959</b>	<b>225.218.245.503</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	131.385.499.202	144.801.987.847
Phải trả người bán và phải trả khác	65.944.816.629	86.829.643.299
Chi phí phải trả	4.291.565.182	99.750.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>201.621.881.013</b>	<b>231.731.381.146</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/6/2012 do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (Bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu sự rủi ro khi thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.





### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công cụ nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm đồng	Trên 1 năm đồng	Tổng cộng đồng
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay	129.417.253.352	1.968.245.850	131.385.499.202
Phải trả người bán và phải trả khác	65.944.816.629	-	65.944.816.629
Chi phí phải trả	4.291.565.182	-	4.291.565.182
<b>Tổng cộng</b>	<b>199.653.635.163</b>	<b>1.968.245.850</b>	<b>201.621.881.013</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	139.973.741.997	4.828.245.850	144.801.987.847
Phải trả người bán và phải trả khác	86.829.643.299	-	86.829.643.299
Chi phí phải trả	99.750.000	-	99.750.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>226.903.135.296</b>	<b>4.828.245.850</b>	<b>231.731.381.146</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho các đơn vị khác tại ngày 31/12/2012 được thuyết minh tại V.10 và V.15

#### 4 . Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

#### 5 . Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 chuyển sang ngày 01/01/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA).

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Đặng Văn Phúc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Dư

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>3.520.000.000</b>	<b>(282.000.000)</b>	<b>(123.213.563)</b>	<b>5.200.083.141</b>	<b>520.644.563</b>	<b>467.653.609</b>	<b>10.071.290.419</b>	<b>59.374.458.169</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	123.213.563	1.764.725.484	-	611.289.790	-	2.499.228.837
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	13.200.038.003	13.200.038.003
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	5.962.015.274	5.962.015.274
Giảm khác	-	-	-	213.733.036	-	-	-	-	213.733.036
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>3.520.000.000</b>	<b>(282.000.000)</b>	<b>(213.733.036)</b>	<b>6.964.808.625</b>	<b>520.644.563</b>	<b>1.078.943.399</b>	<b>17.309.313.148</b>	<b>68.897.976.699</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	213.733.036	3.300.009.500	-	660.001.900	-	4.173.744.436
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	2.677.484.201	2.677.484.201
Phân phối lợi nhuận <sup>(1)</sup>	-	-	-	-	-	-	-	10.332.011.400	10.332.011.400
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>3.520.000.000</b>	<b>(282.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>10.264.818.125</b>	<b>520.644.563</b>	<b>1.738.945.299</b>	<b>9.654.785.949</b>	<b>65.417.193.936</b>

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2012 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển 3.300.009.500 đồng
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 660.001.900 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 800.000.000 đồng
- Chia cổ tức 5.572.000.000 đồng

**Cộng** 10.332.011.400





TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Số: 38 /CT

V/v: Giải trình chênh lệch KQKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2013

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ thông tư 52/2012/TT-BTC, ban hành ngày 05/04/2012 Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 (Mã CK: L44) giải trình chênh lệch lợi nhuận giữa năm 2012 và năm 2011 trên Báo cáo tài chính như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011: 13.200.038.003 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2012: 2.677.484.201 đồng
- Chênh lệch giảm: 10.522.553.802 đồng

Nguyên nhân chênh lệch giảm:

Các hợp đồng Lilama 45.4(L44) ký kết với các đối tác không thực hiện được do các dự án không thu xếp được nguồn vốn. Công ty buộc phải xây dựng kế hoạch doanh thu 2012 chỉ còn bằng 70% doanh thu thực hiện năm 2011.

Các hợp đồng đang thực hiện phần lớn là cuối dự án, công việc hoàn thiện mất nhiều thời gian nhưng khối lượng nghiêm thu đạt được thấp.

Tiến độ dự án chậm người lao động phải chờ việc, tiền lương cơ bản lại tăng theo chế độ dẫn đến chi phí nhân công tăng

Chi phí tăng làm cho lợi nhuận giảm theo. Doanh thu thực hiện năm 2012 chỉ đạt được 84.9% kế hoạch. Vậy Công ty cổ phần Lilama 45.4 báo cáo với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các cổ đông được biết

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4**

Nội nhận:

- UBCKNN
- Sở GDCK Hà Nội
- Lưu



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Hoàng Văn Dư*

## XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
*Hoàng Văn Dư*

